

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ TÀI CHÍNH

**Thông tư số 67/2023/TT-BTC ngày 02 tháng 11 năm 2023
hướng dẫn một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Nghị định
số 46/2023/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2023 của Chính phủ quy định
chi tiết thi hành một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm**

(Tiếp theo Công báo số 1267 + 1268)

Phụ lục VIII

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 67/2023/TT-BTC
ngày 02 tháng 11 năm 2023 của Bộ Tài chính)*

Mẫu số 17-NT

(Ban hành kèm theo Thông tư số 67/2023/TT-BTC
ngày 02/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BÁO CÁO

Kết quả triển khai sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị

Doanh nghiệp bảo hiểm:

Kỳ báo cáo: Tháng.... Năm...

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm hiện tại		
		Tháng 1	...	Lũy kế
I. Hợp đồng khai thác mới				
1. Số lượng hợp đồng				
2. Số tiền bảo hiểm	Triệu đ			
3. Phí bảo hiểm	Triệu đ			
4. Phí BH khai thác mới quy năm	Triệu đ			
5. Phí BH KTM quy năm bình quân 1 hợp đồng	Triệu đ			
6. Phí BH KTM bình quân 1 hợp đồng	Triệu đ			
II. Số lượng HĐ hủy bỏ/chấm dứt hiệu lực				
1. Số lượng hợp đồng hủy bỏ trong thời gian cân nhắc				
2. Số lượng hợp đồng hủy bỏ/chấm dứt hiệu lực sau thời gian cân nhắc				
2.1. Do không nộp phí bảo hiểm				
2.2. Do phát sinh sự kiện bảo hiểm				
2.3. Do khách hàng có đơn chấm dứt hiệu lực hợp đồng				
2.4. Do các nguyên nhân khác				
III. Hợp đồng khôi phục hiệu lực				
IV. Phí đầu tư thêm:				
1. Số hợp đồng có đầu tư thêm				
2. Phí đầu tư thêm	triệu đ			
3. Phí đầu tư thêm/Phí BH	%			
V. Hợp đồng hiệu lực cuối kỳ				
1. Số lượng hợp đồng				
2. Phí bảo hiểm	Triệu đ			
VI. Đại lý				
1. Số đại lý được đào tạo bán sản phẩm LKĐV				
2. Số đại lý được cấp chứng chỉ bán sản phẩm LKĐV				

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm hiện tại		
		Tháng 1	...	Lũy kế
XI. Thống kê số lượng phản hồi của khách hàng 1. Thu phí 2. Dịch vụ đại lý 3. Dịch vụ của Công ty 4. Tư vấn bảo hiểm sai quy định 5. Giá đơn vị quỹ 6. Các vấn đề khác 7. Tổng cộng số trường hợp than phiền				
XII. Thống kê số lượng những vấn đề khách hàng quan tâm: 1. Yêu cầu được đại lý tư vấn 2. Về quyền lợi bảo hiểm 3. Chi phí liên quan đến hợp đồng bảo hiểm 4. Hồ sơ yêu cầu bảo hiểm 5. Các loại quỹ đầu tư 6. Đầu tư thêm 7. Hoán đổi các quỹ 8. Điều chỉnh định hướng đầu tư các quỹ 9. Bán các đơn vị quỹ 10. Chương trình khuyến mãi 11. Vấn đề khác 12. Tổng cộng các trường hợp				

Chúng tôi xin đảm bảo những thông tin trên là đúng sự thực.

Mẫu số 18-NT
(Ban hành kèm theo Thông tư số 67/2023/TT-BTC
ngày 02/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BÁO CÁO
Trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm liên kết đơn vị

- Tên doanh nghiệp bảo hiểm:
- Báo cáo quý (năm):.... từ.... đến....

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Dự phòng đã trích lập đầu kỳ	Dự phòng phải trích lập cuối kỳ	Số dự phòng trích lập trong kỳ
I. Dự phòng toán học			
1. Dự phòng rủi ro bảo hiểm - Sản phẩm 1... - Sản phẩm 2... 2. Dự phòng nghiệp vụ đối với phần liên kết đơn vị: - Sản phẩm 1... - Sản phẩm 2...			
II. Dự phòng bồi thường - Sản phẩm 1... - Sản phẩm 2...			
III. Dự phòng bảo đảm khả năng thanh toán bổ sung			
IV. Tổng cộng			

Chúng tôi xin đảm bảo những thông tin trên là đúng sự thực.

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký và ghi rõ họ tên)

CHUYÊN GIA TÍNH TOÁN
(Ký và ghi rõ họ tên)

.... Ngày... tháng.... năm
**TỔNG GIÁM ĐỐC/NGƯỜI
ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu số 19-NT

(Ban hành kèm theo Thông tư số 67/2023/TT-BTC
ngày 02/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BÁO CÁO

Thưởng, hỗ trợ đại lý bảo hiểm và các quyền lợi khác

- Tên doanh nghiệp bảo hiểm:
- Báo cáo năm:..... từ..... đến

1. Tổng các khoản thưởng, hỗ trợ đại lý bảo hiểm và các quyền lợi khác của đại lý trong năm tài chính (Đối với Đại lý bảo hiểm thực hiện khai thác mới)

Đơn vị: triệu đồng

Năm	Tổng các khoản thưởng, hỗ trợ đại lý bảo hiểm và các quyền lợi khác đối với các đại lý thực hiện khai thác mới	Phí bảo hiểm thực tế thu được của các hợp đồng bảo hiểm có thời hạn từ 01 năm trở xuống và 01 năm tái tục hàng năm	Phí bảo hiểm khai thác năm đầu thực tế thu được đối với các hợp đồng bảo hiểm có thời hạn trên 01 năm
Năm tài chính hiện tại			
Năm tài chính liền kề trước đó			

2. Tổng các khoản thưởng, hỗ trợ đại lý bảo hiểm và các quyền lợi khác trong năm tài chính (Đối với đại lý thực hiện chăm sóc các hợp đồng bảo hiểm tái tục có thời hạn trên 01 năm)

Năm	Tổng các khoản thưởng, hỗ trợ đại lý bảo hiểm và các quyền lợi khác đối với các đại lý thực hiện chăm sóc các hợp đồng bảo hiểm tái tục có thời hạn trên 01 năm	Phí bảo hiểm tái tục thực tế thu được trong năm
Năm tài chính hiện tại		
Năm tài chính liền kề trước đó		

Chúng tôi xin đảm bảo những thông tin trên là đúng sự thực.

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký và ghi rõ họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký và ghi rõ họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm.....
TỔNG GIÁM ĐỐC/NGƯỜI ĐẠI DIỆN
THEO PHÁP LUẬT
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu số 20-NT
(Ban hành kèm theo Thông tư số 67/2023/TT-BTC
ngày 02/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BÁO CÁO
Số lượng hợp đồng khai thác, hủy bỏ trên môi trường mạng

- Tên doanh nghiệp bảo hiểm:
- Báo cáo quý (năm):..... từ..... đến

STT	HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM	SỐ LŨY KẾ ĐẾN KỲ BÁO CÁO					CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC				
		Số lượng hợp đồng khai thác mới	Doanh thu phí khai thác mới	Số lượng hợp đồng có hiệu lực	Tổng doanh thu phí	Số lượng hợp đồng hủy bỏ năm đầu	Số lượng hợp đồng khai thác mới	Doanh thu phí khai thác mới	Số lượng hợp đồng có hiệu lực	Tổng doanh thu phí	Số lượng hợp đồng hủy bỏ năm đầu
1	Nghiệp vụ bảo hiểm										
	Chi tiết theo tên sản phẩm										

Chúng tôi xin đảm bảo những thông tin trên là đúng sự thực.

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký và ghi rõ họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm.....
TỔNG GIÁM ĐỐC/NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu số 21-NT
(Ban hành kèm theo Thông tư số 67/2023/TT-BTC
ngày 02/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BÁO CÁO

Tỷ lệ hủy bỏ, chấm dứt hợp đồng theo kênh phân phối

- Tên doanh nghiệp bảo hiểm:

- Báo cáo quý (năm):..... từ..... đến

STT	Kênh phân phối	Tỷ lệ hủy bỏ, chấm dứt hợp đồng kỳ báo cáo			Tỷ lệ hủy bỏ, chấm dứt hợp đồng cùng kỳ năm trước		
		Năm hợp đồng thứ 1	Năm hợp đồng thứ 2	Năm hợp đồng thứ 3+	Năm hợp đồng thứ 1	Năm hợp đồng thứ 2	Năm hợp đồng thứ 3+
1	Đại lý cá nhân						
2	Ngân hàng						
3	Đại lý tổ chức khác						
4	Telemarketing						
5	Môi trường mạng						
6	Kênh phân phối khác (nêu rõ)						
7	Tất cả các kênh						

Chúng tôi xin đảm bảo những thông tin trên là đúng sự thực.

Tỷ lệ hủy bỏ,
chấm dứt hợp
đồng bảo hiểm

=

Số lượng hợp đồng bảo hiểm chính trong năm hợp đồng thứ n hủy bỏ, chấm dứt trong kỳ

0,5 x (Số lượng hợp đồng bảo hiểm chính trong năm hợp đồng thứ n có hiệu lực đầu kỳ + Số lượng hợp đồng
bảo hiểm chính trong năm hợp đồng thứ n có hiệu lực cuối kỳ + Số lượng hợp đồng bảo hiểm chính trong năm
hợp đồng thứ n hủy bỏ, chấm dứt trong kỳ)

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký và ghi rõ họ tên)

TỔNG GIÁM ĐỐC/NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

....., ngày..... tháng..... năm.....

Mẫu số 22-NT
(Ban hành kèm theo Thông tư số 67/2023/TT-BTC
ngày 02/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TÀI LIỆU MINH HỌA BÁN HÀNG CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM [Tên Sản phẩm]

Sản phẩm bảo hiểm Liên kết chung của Công ty [Tên Doanh nghiệp bảo hiểm]
Nghịệp vụ bảo hiểm: Bảo hiểm liên kết đầu tư

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin về Doanh nghiệp bảo hiểm

- Tên doanh nghiệp
- Lĩnh vực kinh doanh
- Trụ sở chính
- Số giấy phép
- Vốn điều lệ
- Địa chỉ liên hệ (địa chỉ, số điện thoại, số fax...)

2. Thông tin về Bên mua bảo hiểm

- a) Trường hợp bên mua bảo hiểm là tổ chức: Tên tổ chức; Số Giấy phép thành lập và hoạt động.
- b) Trường hợp bên mua bảo hiểm là cá nhân:

- Họ và tên
- Giới tính
- Tuổi

- Nhóm nghề nghiệp

3. Thông tin về Người được bảo hiểm của sản phẩm bảo hiểm

- Họ và tên
- Giới tính
- Tuổi

- Nghề nghiệp/Nhóm nghề nghiệp (theo quy định nội bộ của doanh nghiệp bảo hiểm)

MINH HỌA SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG
CÔNG TY [TÊN DOANH NGHIỆP BẢO HIỂM]

4. Thông tin về Đại lý bảo hiểm cá nhân

- Họ và tên
- Số chứng chỉ đào tạo đại lý hoặc
- Mã số đại lý

5. Thông tin về đại lý bảo hiểm tổ chức (nếu triển khai sản phẩm thông qua đại lý tổ chức)

- Tên, địa chỉ của tổ chức
- Nội dung được ủy quyền theo hợp đồng đại lý (cụ thể theo hoạt động đại lý quy định tại khoản 5 Điều 4 Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15)
- Số chứng chỉ đào tạo đại lý bảo hiểm hoặc mã số đại lý của nhân viên trong tổ chức trực tiếp thực hiện hoạt động đại lý bảo hiểm

6. Thông tin chung

- Tên sản phẩm: Tên sản phẩm bảo hiểm;
- Số tiền bảo hiểm
- Thời hạn bảo hiểm
- Thời hạn đóng phí (dự kiến); thời hạn đóng phí bắt buộc (nếu có)
- Phí bảo hiểm tương ứng cho từng sản phẩm:
 - Phí bảo hiểm cơ bản của sản phẩm và
 - Phí bảo hiểm đóng thêm, nếu có.
- Định kỳ đóng phí bảo hiểm dự kiến

Doanh nghiệp bảo hiểm cần ghi rõ thời gian đóng phí bảo hiểm cơ bản bắt buộc (không được vượt quá 4 năm).

MINH HỌA SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG
CÔNG TY [TÊN DOANH NGHIỆP BẢO HIỂM]

II. THÔNG TIN CHI TIẾT

1. Quyền lợi sản phẩm bảo hiểm

QUYỀN LỢI SẢN PHẨM BẢO HIỂM		Sản phẩm bảo hiểm
A. QUYỀN LỢI BẢO HIỂM RỦI RO		
Quyền lợi bảo hiểm rủi ro (thông tin về số tiền bảo hiểm phải chi trả khi rủi ro xảy ra; điều kiện nhận quyền lợi bảo hiểm rủi ro)		
- Tử vong và Thương tật toàn bộ vĩnh viễn		
- Quyền lợi tử vong và TTTBVV khác (nếu có)		
B. QUYỀN LỢI ĐẦU TƯ		
1. Quyền lợi đầu tư tại mức lãi suất cam kết		Doanh nghiệp bảo hiểm nêu rõ chính sách đầu tư của quỹ liên kết chung, việc tính toán khoản phí đem đi đầu tư
- Thông tin về quyền lợi đầu tư từ quỹ liên kết chung; điều kiện nhận quyền lợi đầu tư, và mức lãi suất đảm bảo		
2. Quyền lợi đầu tư tại mức lãi suất minh họa (khác lãi suất cam kết)		
C. Quyền lợi khác (nếu có)		Doanh nghiệp bảo hiểm nêu rõ quyền lợi này và điều kiện nhận quyền lợi bảo hiểm này

Đối với nội dung liên quan tới quyền lợi đầu tư, doanh nghiệp bảo hiểm cần làm rõ thêm các nội dung liên quan tới quyền lợi đầu tư sau:

- Lãi suất minh họa chỉ mang tính tham khảo, có thể tăng hoặc giảm phụ thuộc vào kết quả đầu tư thực tế của quỹ liên kết chung và không có ý nghĩa là mức lãi suất này được đảm bảo cho khách hàng trong tương lai, nhưng đảm bảo không thấp hơn mức lãi suất cam kết tối thiểu

2. Điều khoản loại trừ bảo hiểm

Doanh nghiệp bảo hiểm dẫn chiếu quy định về loại trừ bảo hiểm quy định tại quy tắc điều khoản của sản phẩm bảo hiểm.

3. Phí đem đi đầu tư và các khoản phí tính cho khách hàng

- Doanh nghiệp bảo hiểm thông tin rõ phí bảo hiểm, phần phí đem đi đầu tư;
- Khoản phí áp dụng cho hợp đồng và/hoặc các hạn mức tối đa theo quy định tại quy tắc điều khoản sản phẩm sẽ áp dụng;

MINH HỌA SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG
CÔNG TY [TÊN DOANH NGHIỆP BẢO HIỂM]

- Phí ban đầu
- Phí rủi ro
- Phí quản lý hợp đồng
- Phí quản lý quỹ
- Phí chấm dứt hợp đồng trước hạn
- Phí khác đối với những sản phẩm được quy định tại điểm a khoản 6 Điều 32 Nghị định số 46/2023/NĐ-CP (nếu có)

4. Mô tả hoạt động của quỹ liên kết chung

- Tóm tắt chính sách đầu tư của quỹ liên kết chung và dẫn chiếu quy định tại sản phẩm bảo hiểm; đơn vị nhận ủy thác quỹ liên kết chung (nếu có)

- *Lãi suất công bố*: Doanh nghiệp bảo hiểm phải liệt kê lãi suất công bố cho thời gian 5 năm tài chính trước. Nếu thời gian tồn tại của quỹ liên kết chung ngắn hơn 5 năm thì lãi suất công bố được tính trong giai đoạn tồn tại của quỹ (Doanh nghiệp phải chú thích mức phí quản lý quỹ dùng để tính lãi suất công bố).

III. MINH HỌA THỰC TẾ VỀ PHÂN BỐ PHÍ BẢO HIỂM VÀ CÁC QUYỀN LỢI THEO QUY ĐỊNH TẠI QUY TẮC ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

(Trường hợp DNBH không thể minh họa tất cả các dữ liệu trong 01 bảng, DNBH có thể tách bảng nhưng phải đảm bảo đầy đủ các thông tin, dữ liệu tối thiểu nêu trong bảng minh họa dưới đây. Trong trường hợp doanh nghiệp thiết kế tách bảng thì doanh nghiệp phải đảm bảo các thông tin về phí và quyền lợi phải luôn được trình bày tương ứng trong cùng 01 bảng)

1. Minh họa trường hợp khách hàng đóng đủ phí bảo hiểm dự kiến

1.1. Minh họa về các khoản phí tính cho khách hàng

MINH HỌA SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG
CÔNG TY [TÊN DOANH NGHIỆP BẢO HIỂM]

Doanh nghiệp bảo hiểm đảm bảo nội dung minh họa thể hiện rõ các quyền lợi bảo hiểm có bảo đảm và không có bảo đảm trong 2 trường hợp phí bảo hiểm của sản phẩm bảo hiểm được đóng đủ và trường hợp phí bảo hiểm của sản phẩm được đóng trong thời gian đóng phí bất buộc. Nội dung minh họa của sản phẩm thực hiện tương tự như trên.

3. Lãi suất đầu tư minh họa

- Doanh nghiệp bảo hiểm được sử dụng 2 mức tỷ suất đầu tư để thực hiện minh họa về lãi suất đầu tư dự kiến
- Lãi suất đầu tư minh họa được in tại bảng minh họa bán hàng là lãi suất công bố dự kiến trên cơ sở hàng năm và được đánh giá trên cơ sở lãi suất đầu tư thực tế hàng năm sau khi trừ đi phí quản lý quỹ tương ứng. Mức lãi suất đầu tư minh họa không vượt quá 7%/năm. Trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm minh họa thời hạn hợp đồng dài hơn 20 năm, doanh nghiệp bảo hiểm chỉ được sử dụng lãi suất cam kết để minh họa cho khách hàng kể từ năm hợp đồng thứ 21.

- Trường hợp quỹ liên kết chung đã triển khai được trên 5 năm, ngoài mức tối đa quy định ở phần này, lãi suất đầu tư minh họa không được vượt quá tỷ suất đầu tư công bố thực tế bình quân trong 5 năm tài chính.

Đối với các doanh nghiệp bảo hiểm mới triển khai sản phẩm bảo hiểm liên kết chung, việc sử dụng lãi suất đầu tư minh họa căn cứ trên kết quả đầu tư bình quân trong 5 năm hoặc tương ứng với thời gian thành lập của quỹ chủ hợp đồng của doanh nghiệp bảo hiểm sau khi trừ đi phí quản lý quỹ dự kiến áp dụng cho quỹ liên kết chung; hoặc căn cứ trên kinh nghiệm đầu tư của Công ty quản lý quỹ vào từng danh mục đầu tư nhưng không vượt mức tối đa quy định ở phần này (trong trường hợp có ủy thác đầu tư qua Công ty quản lý quỹ).

IV. CÁC NỘI DUNG KHÁC

Doanh nghiệp BH cần cung cấp các thông tin cần thiết cho Bên mua bảo hiểm:

- Số điện thoại đường dây nóng dịch vụ khách hàng
 - Địa chỉ email của Bộ phận dịch vụ khách hàng
 - Thông tin về địa chỉ Văn phòng/Trung tâm dịch vụ khách hàng (Có thể liệt kê chi tiết hoặc dẫn đường link trên trang thông tin điện tử để khách hàng tham khảo)
 - Địa chỉ website để bên mua bảo hiểm có thể tham khảo quy tắc điều khoản của sản phẩm bảo hiểm và công cụ tính toán để khách hàng có thể tự xây dựng được kế hoạch bảo hiểm theo từng sản phẩm bảo hiểm doanh nghiệp
- (Nội dung này bắt đầu áp dụng từ 01/7/2024 theo quy định tại Nghị định số 46/2023/NĐ-CP)
- Đường dẫn tại website tới các nội dung thông tin/báo cáo về sản phẩm, hoạt động của quỹ.

MINH HỌA SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG
CÔNG TY [TÊN DOANH NGHIỆP BẢO HIỂM]

V. XÁC NHẬN CỦA BÊN MUA BẢO HIỂM

Ngoài những nội dung tối thiểu phải cung cấp cho khách hàng theo yêu cầu tại Bảng minh họa quyền lợi này, Doanh nghiệp bảo hiểm có thể chủ động tùy chỉnh sắp xếp thứ tự các đề mục trình bày nhưng vẫn đảm bảo đầy đủ các nội dung tại từng đề mục theo biểu mẫu này hoặc bổ sung thêm các thông tin, nội dung minh họa khác theo quy định tại quy tắc điều khoản sản phẩm và theo quy định của pháp luật.

Mẫu số 23-NT
(Ban hành kèm theo Thông tư số 67/2023/TT-BTC
ngày 02/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TÀI LIỆU MINH HỌA BÁN HÀNG CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM [Tên Sản phẩm]

Sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị của Công ty [Tên Doanh nghiệp bảo hiểm]

Nghiệp vụ bảo hiểm: Bảo hiểm liên kết đầu tư

I. MỘT SỐ THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin về Doanh nghiệp bảo hiểm

- Tên doanh nghiệp
- Lĩnh vực kinh doanh
- Trụ sở chính
- Số giấy phép
- Vốn điều lệ
- Địa chỉ liên hệ (địa chỉ, số điện thoại, số fax...)

2. Thông tin về Bên mua bảo hiểm

- c) Trường hợp bên mua bảo hiểm là tổ chức: Tên tổ chức; Số Giấy phép thành lập và hoạt động.
- d) Trường hợp bên mua bảo hiểm là cá nhân:

- Họ và tên
- Giới tính
- Tuổi
- Nhóm nghề nghiệp

3. Thông tin về Người được bảo hiểm của sản phẩm bảo hiểm

- Họ và tên
- Giới tính Tuổi
- Nghề nghiệp/Nhóm nghề nghiệp (theo quy định nội bộ của doanh nghiệp bảo hiểm)

MINH HỌA SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT ĐƠN VỊ
CÔNG TY [TÊN DOANH NGHIỆP BẢO HIỂM]

4. Thông tin về Đại lý bảo hiểm cá nhân

- Họ và tên
- Số chứng chỉ đào tạo đại lý hoặc
- Mã số đại lý

5. Thông tin về đại lý bảo hiểm tổ chức (nếu triển khai sản phẩm thông qua đại lý tổ chức)

- Tên, địa chỉ của tổ chức
- Nội dung được ủy quyền theo hợp đồng đại lý (cụ thể theo hoạt động đại lý quy định tại khoản 5 Điều 4 Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15)
- Số chứng chỉ đào tạo đại lý bảo hiểm hoặc mã số đại lý của nhân viên trong tổ chức trực tiếp thực hiện hoạt động đại lý bảo hiểm

6. Thông tin chung về sản phẩm bảo hiểm

- Tên sản phẩm; Số tiền bảo hiểm
- Thời hạn bảo hiểm;
- Thời hạn đóng phí bắt buộc (nếu có)
- Thời hạn đóng phí dự kiến (do bên mua bảo hiểm lựa chọn)
- Phí bảo hiểm
 - Phí bảo hiểm cơ bản của sản phẩm; và
 - Phí bảo hiểm đóng thêm, nếu có.

Định kỳ đóng phí bảo hiểm dự kiến (do bên mua bảo hiểm lựa chọn)

II. THÔNG TIN CHI TIẾT

1. Quyền lợi của sản phẩm bảo hiểm:

MINH HỌA SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT ĐƠN VỊ
CÔNG TY [TÊN DOANH NGHIỆP BẢO HIỂM]

QUYỀN LỢI CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT ĐƠN VỊ: Thể hiện rõ các quyền lợi bảo hiểm rủi ro và quyền lợi bảo hiểm đầu tư và các điều kiện để nhận quyền lợi đó.
A. QUYỀN LỢI BẢO HIỂM RỦI RO
Quyền lợi bảo hiểm rủi ro (thông tin về số tiền bảo hiểm phải chi trả khi rủi ro xảy ra; điều kiện nhận quyền lợi bảo hiểm rủi ro). Trong trường hợp quyền lợi bảo hiểm có liên quan đến việc thay đổi Giá trị tài khoản, Doanh nghiệp bảo hiểm phải ghi chú rõ các yếu tố làm ảnh hưởng đến Giá trị tài khoản của khách hàng.
B. QUYỀN LỢI ĐẦU TƯ
- Thông tin về quyền lợi đầu tư từ quỹ liên kết đơn vị; điều kiện nhận quyền lợi đầu tư; thông tin cụ thể về ngày định giá áp dụng để áp giá mua/giá bán.
- Tên của quỹ liên kết đơn vị khách hàng lựa chọn
- Tỷ lệ phân bổ phí đem đi đầu tư (thể hiện rõ tỷ lệ % đầu tư vào từng quỹ liên kết đơn vị). Trường hợp có phí bảo hiểm đóng thêm, doanh nghiệp bảo hiểm cần nêu rõ tỷ lệ phân bổ phí đem đi đầu tư tương ứng với phần phí bảo hiểm đóng thêm.
- Tính chất rủi ro của quỹ liên kết đơn vị
- Mục tiêu và chiến lược đầu tư của Quỹ liên kết đơn vị (tóm tắt)
C. QUYỀN LỢI THƯƠNG KHÁC (nếu có)
Doanh nghiệp bảo hiểm nêu rõ quyền lợi này và điều kiện nhận quyền lợi này

* Ghi chú:

- Đối với nội dung liên quan tới quyền lợi đầu tư, doanh nghiệp bảo hiểm cần làm rõ thêm các nội dung liên quan tới quyền lợi đầu tư sau:
 - + *Lãi suất minh họa tại các quỹ liên kết đơn vị chỉ mang tính tham khảo, sẽ có thể tăng hoặc giảm phụ thuộc vào kết quả đầu tư thực tế của quỹ liên kết đơn vị và không có ý nghĩa là mức lãi suất này được đảm bảo cho khách hàng trong tương lai;*

+ Kết quả hoạt động của quỹ liên kết đơn vị có thể cho kết quả (lỗ/lời) và KHÔNG ĐƯỢC BẢO ĐẢM. Doanh nghiệp bảo hiểm cần làm rõ việc khách hàng chịu mọi rủi ro đầu tư và được hưởng toàn bộ kết quả đầu tư từ các quỹ liên kết đơn vị đã lựa chọn tương ứng với giá trị của hợp đồng trong các quỹ liên kết đơn vị. Nội dung này phải được in đậm, chữ hoa với phông chữ Time New Roman, cỡ chữ tối thiểu bằng 14 hoặc phông chữ khác với cỡ chữ tương đương, có cỡ chữ lớn hơn các phần khác tại tài liệu minh họa bán hàng và được in ở tất cả các trang trong minh họa bán hàng.

2. Điều khoản loại trừ bảo hiểm

Doanh nghiệp bảo hiểm dẫn chiếu quy định về loại trừ bảo hiểm quy định tại quy tắc điều khoản sản phẩm bảo hiểm.

3. Mua bán đơn vị quỹ

- Các điều kiện mua bán đơn vị quỹ và quyền chuyển đổi giữa các quỹ liên kết đơn vị (nếu có)
- Ngày định giá: Doanh nghiệp bảo hiểm nêu cụ thể các ngày định giá được thực hiện trong tuần, chu kỳ định giá
- Khoản phí áp dụng cho hợp đồng và/hoặc các hạn mức tối đa theo quy định tại quy tắc điều khoản sản phẩm sẽ áp dụng:

- Phí ban đầu
- Phí rủi ro
- Phí quản lý hợp đồng
- Phí quản lý quỹ
- Phí chuyển đổi quỹ liên kết đơn vị
- Phí chấm dứt hợp đồng trước hạn

- Phí khác đối với những sản phẩm được quy định tại điểm a khoản 6 Điều 32 Nghị định số 46/2023/NĐ-CP (nếu có)

4. Mô tả hoạt động của quỹ liên kết đơn vị

- Thông tin chung về quỹ liên kết đơn vị: số lượng quỹ, mục tiêu, chiến lược, chính sách đầu tư, đơn vị quản lý quỹ
- Tỷ suất đầu tư thực tế (cho các quỹ đã thành lập)

MINH HỌA SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT ĐƠN VỊ
CÔNG TY [TÊN DOANH NGHIỆP BẢO HIỂM]

III. MINH HỌA THỰC TẾ VỀ PHÂN BỐ PHÍ BẢO HIỂM VÀ CÁC QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

(Trường hợp DNBH không thể minh họa tất cả các dữ liệu trong 01 bảng, DNBH có thể tách bảng nhưng phải đảm bảo đầy đủ các thông tin, dữ liệu tối thiểu nêu trong bảng minh họa dưới đây. Trong trường hợp doanh nghiệp thiết kế tách bảng thì doanh nghiệp phải đảm bảo các thông tin về phí và quyền lợi phải luôn được trình bày tương ứng trong cùng 01 bảng)

1. Minh họa trường hợp khách hàng đóng đủ phí bảo hiểm dự kiến

1.1. Minh họa về các khoản phí tính cho khách hàng

Năm HĐ	Phí bảo hiểm			Phí ban đầu		Phí đem đi đầu tư			Phí quản lý hợp đồng		Phí bảo hiểm rủi ro	
	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí bảo hiểm đóng thêm	Tổng phí bảo hiểm	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí bảo hiểm đóng thêm	Tổng phí ban đầu	Phí bảo hiểm cơ bản sau khí khấu trừ phí ban đầu	Phí bảo hiểm đóng thêm sau khi khấu trừ phí ban đầu	Tổng phí bảo hiểm đem đi đầu tư	Phí quản lý hợp đồng	Tại tỷ suất đầu tư cao	Tại tỷ suất đầu tư thấp
1												
2												
...												

1.2. Minh họa về quyền lợi bảo hiểm

Trong trường hợp quyền lợi bảo hiểm có liên quan đến Giá trị tài khoản, Doanh nghiệp bảo hiểm phải ghi chú rõ các yếu tố làm ảnh hưởng đến Giá trị tài khoản của khách hàng

MINH HỌA SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT ĐƠN VỊ
CÔNG TY [TÊN DOANH NGHIỆP BẢO HIỂM]

Năm HĐ/ tuổi của NĐBH	Tổng phí bảo hiểm	Tổng phí bảo hiểm đem đi đầu tư	Quyền lợi bảo hiểm đảm bảo	MINH HỌA QUYỀN LỢI Ồ MỨC TỶ SUẤT ĐẦU TƯ CAO ^(*) (KHÔNG ĐẢM BẢO)						Giá trị hoàn lại
				Quyền lợi đầu tư			Quyền lợi khác			Tổng giá trị tài khoản
				Quỹ A (*)	Quỹ B (*)	Quỹ C (*)	Quỹ A (*)	Quỹ B (*)	Quỹ C (*)	
...										

(*) Trường hợp tỷ suất đầu tư minh họa của các quỹ đầu tư là khác nhau, doanh nghiệp bảo hiểm thể hiện mức tỷ suất này tương ứng tại mỗi quỹ đầu tư)

Năm HĐ/ tuổi của NĐBH	Tổng phí bảo hiểm	Tổng phí bảo hiểm đem đi đầu tư	Quyền lợi bảo hiểm đảm bảo	MINH HỌA QUYỀN LỢI Ồ MỨC TỶ SUẤT ĐẦU TƯ THẤP ^(*) (KHÔNG ĐẢM BẢO)						Giá trị hoàn lại
				Quyền lợi đầu tư			Quyền lợi khác			Tổng giá trị tài khoản
				Quỹ A (*)	Quỹ B (*)	Quỹ C (*)	Quỹ A (*)	Quỹ B (*)	Quỹ C (*)	

(*) Trường hợp tỷ suất đầu tư minh họa của các quỹ đầu tư là khác nhau, doanh nghiệp bảo hiểm thể hiện mức tỷ suất này tương ứng tại mỗi quỹ đầu tư)

2. Minh họa trường hợp khách hàng đóng phí bảo hiểm trong thời gian đóng phí bảo hiểm bắt buộc theo quy định tại quy tắc điều khoản sản phẩm

MINH HỌA SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT ĐƠN VỊ
CÔNG TY [TÊN DOANH NGHIỆP BẢO HIỂM]

2.1. Minh họa về các khoản phí tính cho khách hàng

[illegible]

Trong trường hợp sản phẩm bảo hiểm có quy định về các khoản phí khác thì bảng minh họa phải thể hiện các khoản phí này.

2.2. Minh họa về quyền lợi bảo hiểm

Trong trường hợp quyền lợi bảo hiểm có liên quan đến Giá trị tài khoản, Doanh nghiệp bảo hiểm phải ghi chú rõ các yếu tố làm ảnh hưởng đến Giá trị tài khoản của khách hàng.

[illegible]

MINH HỌA SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT ĐƠN VỊ
CÔNG TY [TÊN DOANH NGHIỆP BẢO HIỂM]

(*) Trường hợp tỷ suất đầu tư minh họa của các quỹ đầu tư là khác nhau, doanh nghiệp bảo hiểm thể hiện mức tỷ suất này tương ứng tại mỗi quỹ đầu tư)

Năm HĐ/ tuổi của NDBH	Tổng phí bảo hiểm	Tổng phí đem đi đầu tư	Quyền lợi bảo hiểm đảm bảo	MINH HỌA QUYỀN LỢI Ở MỨC TỶ SUẤT ĐẦU TƯ THẤP(*) (KHÔNG ĐẢM BẢO)						
				Quyền lợi đầu tư			Quyền lợi khác			Tổng giá trị tài khoản
				Quỹ A (*)	Quỹ B (*)	Quỹ C (*)	Quỹ A (*)	Quỹ B (*)	Quỹ C (*)	

3. Tỷ suất đầu tư dự kiến

- Doanh nghiệp bảo hiểm được sử dụng tối đa 2 mức tỷ suất đầu tư để thực hiện minh họa tại phần 1, 2 mục III Mẫu bảng minh họa;
- Tỷ suất đầu tư minh họa được in tại bảng minh họa bán hàng trên cơ sở tỷ suất đầu tư thực tế hàng năm trừ đi phí quản lý quỹ (dự kiến) tương ứng của từng quỹ liên kết đơn vị;
- Doanh nghiệp bảo hiểm phải liệt kê các tỷ suất đầu tư thực tế cho thời gian 5 năm tài chính liên kế trước đó. Nếu thời gian tồn tại của quỹ liên kết đơn vị ngắn hơn 5 năm thì tỷ suất đầu tư được tính trong giai đoạn tồn tại của quỹ; Trong bảng minh họa bán hàng, doanh nghiệp bảo hiểm có thể sử dụng các chỉ số đầu tư tham chiếu khác để cung cấp thêm thông tin cho khách hàng về tỷ suất đầu tư thực tế đối với các danh mục tài sản (cổ phiếu, trái phiếu, tiền gửi ngân hàng) trên thị trường tài chính.
- Việc xác định tỷ suất đầu tư minh họa được xác định theo từng loại tài sản, tỷ trọng từng loại tài sản trong quỹ liên kết đơn vị, kết quả đầu tư thực tế trong quá khứ và đánh giá của doanh nghiệp bảo hiểm về kỳ vọng tỷ suất đầu tư của từng loại tài sản trong tương lai. Mức tỷ suất đầu tư minh họa tối đa áp dụng đối với các quỹ như sau:

**MINH HOA SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT ĐƠN VỊ
CÔNG TY [TÊN DOANH NGHIỆP BẢO HIỂM]**

- + Đối với quỹ liên kết đơn vị có chính sách đầu tư không thấp hơn 70% tổng giá trị tài sản vào danh mục cổ phiếu (quỹ liên kết đơn vị đầu tư cổ phiếu): 9%/năm;
- + Đối với quỹ liên kết đơn vị có chính sách đầu tư không thấp hơn 70% tổng giá trị tài sản vào danh mục trái phiếu (quỹ liên kết đơn vị đầu tư trái phiếu): 6%/năm;
- + Đối với quỹ liên kết đơn vị có chính sách đầu tư không thấp hơn 70% vào tiền gửi và các tài sản đầu tư có thu nhập cố định khác (quỹ liên kết đơn vị đầu tư tiền gửi): 6,5%/năm;
- + Đối với các quỹ liên kết đơn vị có chính sách đầu tư khác với 3 quỹ liên kết đơn vị nêu trên (quỹ liên kết đơn vị khác): Tỷ suất đầu tư minh họa tối đa được tính bằng bình quân gia quyền giữa tỷ trọng đầu tư vào cổ phiếu, trái phiếu, tiền gửi và các tài sản có thu nhập cố định khác với tỷ suất đầu tư minh họa tối đa tương ứng với quỹ liên kết đơn vị đầu tư cổ phiếu (A), quỹ liên kết đơn vị đầu tư trái phiếu (B), quỹ liên kết đơn vị đầu tư tiền gửi (C).
- + Đối với các doanh nghiệp bảo hiểm mới triển khai sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị, việc sử dụng tỷ suất đầu tư minh họa căn cứ trên kinh nghiệm đầu tư của Công ty quản lý quỹ vào từng danh mục đầu tư nhưng không vượt mức tối đa quy định ở phần này.

4. Giá của đơn vị quỹ

Doanh nghiệp bảo hiểm phải khẳng định rõ:

- Giá của đơn vị quỹ liên kết đơn vị có thể tăng hoặc giảm;
- Giá trị của quỹ liên kết đơn vị có thể thấp hơn số phí đem đi đầu tư và phụ thuộc vào kết quả của các khoản đầu tư trong từng quỹ liên kết đơn vị trừ trường hợp doanh nghiệp cam kết hoàn trả phí đem đi đầu tư

IV. CÁC NỘI DUNG KHÁC

Doanh nghiệp BH cần cung cấp các thông tin cần thiết cho Bên mua bảo hiểm:

- Số điện thoại đường dây nóng dịch vụ khách hàng
 - Địa chỉ email của Bộ phận dịch vụ khách hàng
 - Thông tin về địa chỉ Văn phòng/Trung tâm dịch vụ khách hàng (Có thể liệt kê chi tiết hoặc dẫn đường link trên trang thông tin điện tử để khách hàng tham khảo)
 - Địa chỉ website để bên mua bảo hiểm có thể tham khảo quy tắc điều khoản của sản phẩm bảo hiểm và công cụ tính toán để khách hàng có thể tự xây dựng được kế hoạch bảo hiểm theo từng sản phẩm bảo hiểm doanh nghiệp
- (Nội dung này bắt đầu áp dụng từ 01/7/2024 theo quy định tại Nghị định số 46/2023/NĐ-CP)
- Đường dẫn tại website tới các nội dung thông tin/báo cáo về sản phẩm, hoạt động của quỹ.

V. XÁC NHẬN CỦA BÊN MUA BẢO HIỂM

Ngoài những nội dung tối thiểu phải cung cấp cho khách hàng theo yêu cầu tại Bảng minh họa quyền lợi này, Doanh nghiệp bảo hiểm có thể chủ động tùy chỉnh sắp xếp thứ tự các đề mục trình bày nhưng vẫn đảm bảo đầy đủ các nội dung tại từng đề mục theo biểu mẫu này hoặc bổ sung thêm các thông tin, nội dung minh họa khác theo quy định tại quy tắc, điều khoản sản phẩm và theo quy định của pháp luật.

Thời gian minh họa quyền lợi bảo hiểm không quá 20 năm

Mẫu số 24-NT
(Ban hành kèm theo Thông tư số 67/2023/TT-BTC
ngày 02/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TÀI LIỆU MINH HỌA BÁN HÀNG CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM [Tên Sản phẩm]
Sản phẩm bảo hiểm hưu trí của Công ty [Tên Doanh nghiệp bảo hiểm]
Nghịệp vụ bảo hiểm: Bảo hiểm hưu trí

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin về Doanh nghiệp bảo hiểm

- Tên doanh nghiệp
- Lĩnh vực kinh doanh
- Trụ sở chính
- Số giấy phép
- Vốn điều lệ
- Địa chỉ liên hệ (địa chỉ, số điện thoại, số fax...)

2. Thông tin về Bên mua bảo hiểm

- Trường hợp bên mua bảo hiểm là tổ chức: Tên tổ chức; Số Giấy phép thành lập và hoạt động.
- Trường hợp bên mua bảo hiểm là cá nhân:
 - + Họ và tên
 - + Giới tính
 - + Tuổi

3. Thông tin về Nhóm nghề nghiệp

3. Thông tin về Người được bảo hiểm của sản phẩm bảo hiểm

- Họ và tên
- Giới tính
- Tuổi
- Nghề nghiệp/Nhóm nghề nghiệp (theo quy định nội bộ của doanh nghiệp bảo hiểm)

MINH HỌA SẢN PHẨM BẢO HIỂM HỮU TRÍ
CÔNG TY [TÊN DOANH NGHIỆP BẢO HIỂM]

4. Thông tin về Đại lý bảo hiểm cá nhân

- Họ và tên
- Số chứng chỉ đào tạo đại lý hoặc
- Mã số đại lý

5. Thông tin về đại lý bảo hiểm tổ chức (nếu triển khai sản phẩm thông qua đại lý tổ chức)

- Tên, địa chỉ của tổ chức
- Nội dung được ủy quyền theo hợp đồng đại lý (cụ thể theo hoạt động đại lý quy định tại khoản 5 Điều 4 Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15)
- Số chứng chỉ đào tạo đại lý bảo hiểm hoặc mã số đại lý của nhân viên trong tổ chức trực tiếp thực hiện hoạt động đại lý bảo hiểm

6. Thông tin chung

- Tên sản phẩm bảo hiểm
- Số tiền bảo hiểm
- Thời hạn bảo hiểm
- Thời hạn đóng phí tương ứng cho từng sản phẩm (dự kiến); thời hạn đóng phí bắt buộc (nếu có)
- Phí bảo hiểm:
 - Phí bảo hiểm cơ bản của sản phẩm; và
 - Phí bảo hiểm đóng thêm (nếu có).
- Định kỳ đóng phí bảo hiểm dự kiến

II. THÔNG TIN CHI TIẾT

1. Quyền lợi bảo hiểm

MINH HỌA SẢN PHẨM BẢO HIỂM HỮU TRÍ
CÔNG TY [TÊN DOANH NGHIỆP BẢO HIỂM]

QUYỀN LỢI CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM HỮU TRÍ		Sản phẩm bảo hiểm
A. QUYỀN LỢI HỮU TRÍ ĐỊNH KỲ		
B. QUYỀN LỢI BẢO HIỂM RỦI RO		
- Quyền lợi trợ cấp mai táng		
- Quyền lợi bảo hiểm tử vong và quyền lợi thương tật toàn bộ vĩnh viễn		
C. QUYỀN LỢI ĐẦU TƯ		
1. Quyền lợi đầu tư tại mức lãi suất cam kết		Doanh nghiệp bảo hiểm nêu rõ chính sách đầu tư của quỹ hưu trí, việc tính toán khoản phí đem đi đầu tư
- Thông tin về quyền lợi đầu tư từ quỹ hưu trí; điều kiện nhận quyền lợi đầu tư, và mức lãi suất đảm bảo		
2. Quyền lợi đầu tư tại mức lãi suất minh họa (khác lãi suất cam kết)		
D. Quyền lợi khác (nếu có)		Doanh nghiệp bảo hiểm nêu rõ quyền lợi này và điều kiện nhận quyền lợi bảo hiểm này

Đối với nội dung liên quan tới quyền lợi đầu tư, doanh nghiệp bảo hiểm cần làm rõ thêm các nội dung liên quan tới quyền lợi đầu tư sau:

- Lãi suất minh họa chỉ mang tính tham khảo, có thể tăng hoặc giảm phụ thuộc vào kết quả đầu tư thực tế của quỹ hưu trí và không có ý nghĩa là mức lãi suất này được đảm bảo cho khách hàng trong tương lai, nhưng đảm bảo không thấp hơn mức lãi suất cam kết tối thiểu.

2. Điều khoản loại trừ bảo hiểm

Doanh nghiệp bảo hiểm dẫn chiếu quy định về loại trừ bảo hiểm quy định tại quy tắc điều khoản sản phẩm bảo hiểm.

3. Phí đem đi đầu tư và các khoản phí tính cho khách hàng

- Doanh nghiệp bảo hiểm thông tin rõ phí bảo hiểm, phần phí đem đi đầu tư;
- Khoản phí áp dụng cho hợp đồng và các hạn mức tối đa sẽ áp dụng:
 - Phí ban đầu
 - Phí rủi ro
 - Phí quản lý hợp đồng

MINH HỌA SẢN PHẨM BẢO HIỂM HỮU TRÍ
CÔNG TY [TÊN DOANH NGHIỆP BẢO HIỂM]

- Phí quản lý quỹ
- Phí chuyển tài khoản bảo hiểm hưu trí
- Phí khác đối với những sản phẩm được quy định tại điểm a khoản 6 Điều 32 Nghị định số 46/2023/NĐ-CP (nếu có)

Doanh nghiệp bảo hiểm phải ghi rõ hạn mức đối với mỗi khoản phí áp dụng cho sản phẩm bảo hiểm.

4. Rút trước tài khoản bảo hiểm hưu trí

Doanh nghiệp bảo hiểm ghi rõ trường hợp được rút trước tài khoản bảo hiểm hưu trí.

5. Chuyển tài khoản bảo hiểm hưu trí

Doanh nghiệp bảo hiểm nêu tóm tắt và dẫn chiếu quy định về chuyển tài khoản bảo hiểm hưu trí quy định tại quy tắc điều khoản sản phẩm bảo hiểm.

6. Mô tả hoạt động của quỹ hưu trí

- Tóm tắt chính sách đầu tư của quỹ hưu trí và dẫn chiếu quy định về quy định tại quy tắc điều khoản sản phẩm bảo hiểm, đơn vị nhận ủy thác quỹ hưu trí (nếu có);

- *Lãi suất công bố*: Doanh nghiệp bảo hiểm phải liệt kê lãi suất công bố cho thời gian 5 năm trước. Nếu thời gian tồn tại của quỹ hưu trí ngắn hơn 5 năm thì lãi suất công bố được tính trong giai đoạn tồn tại của quỹ (Doanh nghiệp phải chú thích mức phí quản lý quỹ dùng để tính lãi suất công bố).

III. MINH HỌA THỰC TẾ VỀ PHÂN BỐ PHÍ BẢO HIỂM VÀ CÁC QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

(Trường hợp DNBH không thể minh họa tất cả các dữ liệu trong 01 bảng, DNBH có thể tách bảng nhưng phải đảm bảo đầy đủ các thông tin, dữ liệu tối thiểu nêu trong bảng minh họa dưới đây. Trong trường hợp doanh nghiệp thiết kế tách bảng thì doanh nghiệp phải đảm bảo các thông tin về phí và quyền lợi phải luôn được trình bày tương ứng trong cùng 01 bảng)

1. Minh họa trường hợp khách hàng đóng đủ phí bảo hiểm dự kiến

1.1. Minh họa về các khoản phí tính cho khách hàng

MINH HỌA SẢN PHẨM BẢO HIỂM HỮU TRÍ
CÔNG TY [TÊN DOANH NGHIỆP BẢO HIỂM]

Năm HĐ	Phí bảo hiểm			Phí ban đầu			Phí đem đi đầu tư			Phí quản lý hợp đồng	Phí bảo hiểm rủi ro	
	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí bảo hiểm đóng thêm	Tổng phí bảo hiểm	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí bảo hiểm đóng thêm	Tổng phí ban đầu	Phí bảo hiểm đóng	Tổng phí bảo hiểm đem đi đầu tư	Lãi suất đầu tư cam kết		Lãi suất đầu tư khác	
1												
2												
3												
...												

Trong trường hợp Sản phẩm bảo hiểm có quy định về các khoản phí khác thì bảng minh họa phải thể hiện các khoản phí này.

1.2. Minh họa về quyền lợi theo quy định tại quy tắc, điều khoản sản phẩm

Trong trường hợp quyền lợi bảo hiểm có liên quan đến Giá trị tài khoản, Doanh nghiệp bảo hiểm phải ghi chú rõ các yếu tố làm ảnh hưởng đến Giá trị tài khoản của khách hàng.

MINH HỌA SẢN PHẨM BẢO HIỂM HƯU TRÍ
CÔNG TY [TÊN DOANH NGHIỆP BẢO HIỂM]

Năm HĐ	Tổng phí bảo hiểm	Tổng phí bảo hiểm đem đi đầu tư	Quyền lợi minh họa tại lãi suất đầu tư cam kết				Quyền lợi minh họa tại lãi suất đầu tư dự kiến			
			Quyền lợi cơ bản của sản phẩm hưu trí			Giá trị hoàn lại	Quyền lợi cơ bản của sản phẩm hưu trí			Giá trị tài khoản
			Hưu trí định kỳ	Từ vong và TTTBVV	Mai táng		Hưu trí định kỳ	Từ vong và TTTBVV	Mai táng	
1										
2										
...										

2. Minh họa trường hợp khách hàng đóng phí bảo hiểm trong thời gian đóng phí bảo hiểm bắt buộc (nếu có)

2.1. Minh họa về các khoản phí tính cho khách hàng

Năm HĐ	Phí bảo hiểm		Phí ban đầu			Phí đem đi đầu tư			Phí bảo hiểm rủi ro	
	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí bảo hiểm đóng thêm	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí bảo hiểm đóng thêm	Tổng phí ban đầu	Phí bảo hiểm cơ bản sau khi khấu trừ phí ban đầu	Phí bảo hiểm đóng thêm sau khi khấu trừ phí ban đầu	Tổng phí bảo hiểm đem đi đầu tư	Phí quản lý hợp đồng	Lãi suất đầu tư cam kết
1										
2										
...										

Trong trường hợp Sản phẩm bảo hiểm có quy định về các khoản phí khác thì bảng minh họa phải thể hiện các khoản phí này.

MINH HỌA SẢN PHẨM BẢO HIỂM HƯU TRÍ
CÔNG TY [TÊN DOANH NGHIỆP BẢO HIỂM]

2.2. Minh họa về quyền lợi bảo hiểm

Trong trường hợp quyền lợi bảo hiểm có liên quan đến Giá trị tài khoản, Doanh nghiệp bảo hiểm phải ghi chú rõ các yếu tố làm ảnh hưởng đến Giá trị tài khoản của khách hàng.

Năm HD	Tổng phí bảo hiểm đem đi đầu tư	Quyền lợi minh họa tại lãi suất đầu tư cam kết				Quyền lợi minh họa tại lãi suất đầu tư dự kiến			
		Quyền lợi cơ bản của sản phẩm hưu trí			Giá trị tài khoản	Giá trị hoàn lại	Quyền lợi cơ bản của sản phẩm hưu trí		
		Hưu trí định kỳ	Từ vong và TTTB VV	Mai táng			Hưu trí định kỳ	Từ vong và TTTB VV	Mai táng
1									
2									
...									

3. Lãi suất đầu tư minh họa

- Doanh nghiệp bảo hiểm được sử dụng tối đa 2 mức tỷ suất đầu tư dự kiến để thực hiện minh họa lãi suất đầu tư dự kiến
- Lãi suất đầu tư minh họa được in tại bảng minh họa bán hàng là lãi suất công bố dự kiến trên cơ sở hàng năm và được đánh giá trên cơ sở lãi suất đầu tư thực tế hàng năm sau khi trừ đi phí quản lý quỹ tương ứng. Mức lãi suất đầu tư minh họa không vượt quá 7%/năm. Trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm minh họa thời hạn hợp đồng dài hơn 20 năm, doanh nghiệp bảo hiểm chỉ được chỉ được sử dụng lãi suất cam kết để minh họa cho khách hàng kể từ năm hợp đồng thứ 21;

MINH HỌA SẢN PHẨM BẢO HIỂM HƯU TRÍ
CÔNG TY [TÊN DOANH NGHIỆP BẢO HIỂM]

- Trường hợp quỹ hưu trí đã triển khai được trên 5 năm, ngoài mức tối đa quy định ở phần này, lãi suất đầu tư minh họa không được vượt quá tỷ suất đầu tư công bố thực tế bình quân trong 5 năm. Đối với các doanh nghiệp bảo hiểm mới triển khai sản phẩm bảo hiểm hưu trí, việc sử dụng lãi suất đầu tư minh họa căn cứ trên kết quả đầu tư bình quân trong 5 năm hoặc tương ứng với thời gian thành lập của quỹ chủ hợp đồng của doanh nghiệp bảo hiểm sau khi trừ đi phí quản lý quỹ dự kiến áp dụng cho quỹ hưu trí; hoặc căn cứ trên kinh nghiệm đầu tư của Công ty quản lý quỹ vào từng danh mục đầu tư nhưng không vượt mức tối đa quy định ở phần này (trong trường hợp có ủy thác đầu tư qua Công ty quản lý quỹ).

IV. CÁC NỘI DUNG KHÁC

Doanh nghiệp BH cần cung cấp các thông tin cần thiết cho Bên mua bảo hiểm:

- Số điện thoại đường dây nóng dịch vụ khách hàng
- Địa chỉ email của Bộ phận dịch vụ khách hàng
- Thông tin về địa chỉ Văn phòng/Trung tâm dịch vụ khách hàng (Có thể liệt kê chi tiết hoặc dẫn đường link trên trang thông tin điện tử để khách hàng tham khảo)
- Địa chỉ website để bên mua bảo hiểm có thể tham khảo quy tắc điều khoản của sản phẩm bảo hiểm và công cụ tính toán để khách hàng có thể tự xây dựng được kế hoạch bảo hiểm theo từng sản phẩm bảo hiểm doanh nghiệp
- (Nội dung này bắt đầu áp dụng từ 01/7/2024 theo quy định tại Nghị định số 46/2023/NĐ-CP)
- Đường dẫn tại website tới các nội dung thông tin/báo cáo về sản phẩm, hoạt động của quỹ.

V. XÁC NHẬN CỦA BÊN MUA BẢO HIỂM

Ngoài những nội dung tối thiểu phải cung cấp cho khách hàng theo yêu cầu tại Bảng minh họa quyền lợi này, Doanh nghiệp bảo hiểm có thể chủ động tùy chỉnh sắp xếp thứ tự các đề mục trình bày nhưng vẫn đảm bảo đầy đủ các nội dung tại từng đề mục theo biểu mẫu này hoặc bổ sung thêm các thông tin, nội dung minh họa khác theo quy định tại quy tắc, điều khoản sản phẩm và theo quy định của pháp luật.

Mẫu số 25-NT

(Ban hành kèm theo Thông tư số 67/2023/TT-BTC
ngày 02/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

THÔNG BÁO

Tình trạng hợp đồng bảo hiểm liên kết chung

Doanh nghiệp bảo hiểm**Năm báo cáo:****Thông tin về Bên mua bảo hiểm**

- Trường hợp bên mua bảo hiểm là tổ chức: Tên tổ chức.
- Trường hợp bên mua bảo hiểm là cá nhân: Họ và tên; Số CCCD/Hộ chiếu.

Thông tin về Người được bảo hiểm của sản phẩm bảo hiểm: Họ và tên; Số CCCD/Hộ chiếu.

Hợp đồng bảo hiểm số:

Số tiền bảo hiểm:

Thời hạn hợp đồng bảo hiểm:

1. Giá trị tài khoản đầu năm báo cáo:
2. Tổng số phí bảo hiểm nộp trong năm:
 - + Phí bảo hiểm cơ bản:
 - + Phí đóng thêm:
3. Tổng số phí bảo hiểm đầu tư vào quỹ liên kết chung:
4. Các khoản phí tính cho bên mua bảo hiểm:
 - + Phí ban đầu
 - + Phí rủi ro
 - + Phí quản lý hợp đồng bảo hiểm
 - + Phí quản lý quỹ
 - + Phí khác (nếu có)
5. Số tiền khách hàng đã rút ra từ giá trị tài khoản hợp đồng trong năm (nếu có):
6. Các quyền lợi được cộng vào giá trị tài khoản hợp đồng trong năm (nếu có):
7. Tỷ suất đầu tư thực tế trong năm của quỹ liên kết chung và lãi suất đầu tư công bố cho khách hàng;
8. Giá trị tài khoản cuối năm báo cáo:
9. Quyền lợi bảo hiểm rủi ro và giá trị hoàn lại vào đầu năm báo cáo:
10. Quyền lợi bảo hiểm rủi ro và giá trị hoàn lại vào cuối năm báo cáo:

Mẫu số 26-NT*(Ban hành kèm theo Thông tư số 67/2023/TT-BTC
ngày 02/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

THÔNG BÁO

Tình trạng hợp đồng bảo hiểm liên kết đơn vị

Doanh nghiệp bảo hiểm**Năm báo cáo:****Thông tin về Bên mua bảo hiểm**

- Trường hợp bên mua bảo hiểm là tổ chức: Tên tổ chức;
- Trường hợp bên mua bảo hiểm là cá nhân: Họ và tên; Số CCCD/Hộ chiếu.

Thông tin về Người được bảo hiểm của sản phẩm bảo hiểm: Họ và tên; Số CCCD/Hộ chiếu.

Hợp đồng bảo hiểm số:

Số tiền bảo hiểm:

Thời hạn hợp đồng bảo hiểm:

1. Số lượng, giá trị của các đơn vị quỹ nắm giữ đầu năm báo cáo:
2. Tổng số phí bảo hiểm nộp trong năm:
 - + Phí bảo hiểm cơ bản:
 - + Phí đóng thêm:
3. Tổng số phí bảo hiểm đầu tư vào quỹ liên kết đơn vị (chi tiết theo từng quỹ):
4. Các khoản phí tính cho bên mua bảo hiểm và số lượng đơn vị quỹ đã bị trừ tương ứng:
 - + Phí ban đầu
 - + Phí rủi ro
 - + Phí quản lý hợp đồng bảo hiểm
 - + Phí quản lý quỹ
 - + Phí chuyển đổi quỹ liên kết đơn vị
 - + Phí khác (nếu có)
5. Số lượng, giá trị của các đơn vị quỹ được mua, bán trong năm báo cáo:
6. Số tiền khách hàng đã rút ra từ giá trị tài khoản hợp đồng và số lượng đơn vị quỹ đã bị trừ tương ứng từ giá trị tài khoản trong năm (nếu có):
7. Các quyền lợi được cộng vào giá trị tài khoản hợp đồng và số lượng đơn vị quỹ đã được cộng tương ứng từ giá trị tài khoản trong năm (nếu có):
8. Số lượng, giá trị của các đơn vị quỹ nắm giữ cuối năm báo cáo:
9. Quyền lợi bảo hiểm rủi ro và giá trị hoàn lại vào đầu năm báo cáo:
10. Quyền lợi bảo hiểm rủi ro và giá trị hoàn lại vào cuối năm báo cáo:

Mẫu số 27-NT*(Ban hành kèm theo Thông tư số 67/2023/TT-BTC
ngày 02/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

THÔNG BÁO

Tình trạng hợp đồng bảo hiểm hưu trí

Doanh nghiệp bảo hiểm:

Năm báo cáo:

Thông tin về Bên mua bảo hiểm

- Trường hợp bên mua bảo hiểm là tổ chức: Tên tổ chức;
- Trường hợp bên mua bảo hiểm là cá nhân: Họ và tên; Số CCCD/Hộ chiếu.

Thông tin về Người được bảo hiểm của sản phẩm bảo hiểm: Họ và tên; Số CCCD/Hộ chiếu.

Hợp đồng bảo hiểm số:

Số tiền bảo hiểm rủi ro:

Độ tuổi nhận quyền lợi hưu trí định kỳ:

Định kỳ thanh toán:

Thời hạn nhận quyền lợi bảo hiểm:

1. Giá trị tài khoản bảo hiểm hưu trí đầu kỳ:

2. Tổng số phí bảo hiểm nộp trong năm:

+ Hợp đồng bảo hiểm cá nhân:

Phần đóng góp định kỳ của cá nhân

Phần đóng thêm

+ Hợp đồng bảo hiểm nhóm:

Phần đóng góp của người sử dụng lao động

Phần đóng góp của người lao động

3. Tổng số phí bảo hiểm đầu tư vào quỹ hưu trí tự nguyện

4. Số tiền người được bảo hiểm đã rút trước từ giá trị tài khoản hưu trí trong năm (nếu có):

5. Các quyền lợi được cộng vào giá trị tài khoản hưu trí trong năm (nếu có):

6. Tỷ suất đầu tư thực tế trong năm của quỹ hưu trí tự nguyện và lãi suất đầu tư công bố cho khách hàng

7. Các khoản chi phí liên quan:

+ Phí ban đầu

+ Phí rủi ro

+ Phí quản lý hợp đồng bảo hiểm

+ Phí quản lý quỹ

+ Phí chuyển giao tài khoản bảo hiểm hưu trí

+ Phí khác (nếu có)

8. Giá trị tài khoản bảo hiểm hưu trí cuối kỳ:

Phụ lục IX

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 67/2023/TT-BTC
ngày 02 tháng 11 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

- Mẫu số 1-SK: Báo cáo kết quả hoạt động tháng
- Mẫu số 2-SK: Báo cáo số lượng hợp đồng và số tiền bảo hiểm quý, năm
- Mẫu số 3-SK: Báo cáo tình hình hủy bỏ hợp đồng bảo hiểm sức khỏe quý, năm:
- Mẫu số 4A-SK: Báo cáo trích lập dự phòng toán học bảo hiểm sức khỏe
- Mẫu số 4B-SK: Báo cáo trích lập dự phòng phí chưa được hưởng bảo hiểm sức khỏe
- Mẫu số 4C-SK: Báo cáo trích lập dự phòng bồi thường
- Mẫu số 4D-SK: Báo cáo trích lập dự phòng bảo đảm cân đối
- Mẫu số 5-SK: Báo cáo hoạt động đầu tư quý, năm
- Mẫu số 6-SK: Báo cáo khả năng thanh toán tháng, quý, năm
- Mẫu số 7-SK: Báo cáo ASEAN hàng năm
- Mẫu số 8-SK: Báo cáo theo dõi riêng doanh thu, chi phí từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm theo từng loại nghiệp vụ bảo hiểm
- Mẫu số 9-SK: Báo cáo danh mục sản phẩm của doanh nghiệp bảo hiểm sức khỏe
- Mẫu số 10-SK: Báo cáo của Chuyên gia tính toán
- Mẫu số 11-SK: Báo cáo doanh thu theo kênh phân phối quý, năm

Mẫu số 1-SK
(Ban hành kèm theo Thông tư số
67/2023/TT-BTC ngày 02/11/2023 của
Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BÁO CÁO
Kết quả hoạt động tháng

- Tên doanh nghiệp bảo hiểm: từ đến

- Báo cáo tháng:.....

STT	Nghịệp vụ bảo hiểm	Hợp đồng khai thác mới						Số lượng hợp đồng có hiệu lực				Số thành viên được BH có hiệu lực		Tổng doanh thu phí bảo hiểm		Số lượng hợp đồng hủy bỏ năm đầu lũy kế từ đầu năm	Trả tiền bảo hiểm
		Số lượng hợp đồng			Số thành viên được bảo hiểm			Phí bảo hiểm		Cùng kỳ năm trước		Cùng kỳ năm trước		Cùng kỳ năm trước			
		Trong tháng	Lũy kế	Cùng kỳ năm trước	Trong tháng	Lũy kế	Cùng kỳ năm trước	Trong tháng	Lũy kế	Cùng kỳ năm trước	Cuối tháng	Cùng kỳ năm trước	Lũy kế	Cùng kỳ năm trước			
1	Bảo hiểm sức khỏe, thân thể																
2	Bảo hiểm chi phí y tế																
	Tổng cộng																

Chúng tôi xin đảm bảo những thông tin trên là đúng sự thực.

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký và ghi rõ họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm.....
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Ghi chú: Phí khai thác mới bao gồm: phí bảo hiểm định kỳ năm đầu + phí bảo hiểm tương đương với số liệu ghi nhận tại tài khoản doanh thu phí bảo hiểm năm đầu của bộ phận kế toán.

B	Hợp đồng có hiệu lực	Số lượng hợp đồng	Số lượng thành viên được bảo hiểm	Thời hạn hợp đồng bình quân	Thời hạn hợp đồng còn lại bình quân	Số lượng hợp đồng	Số thành viên được bảo hiểm	Thời hạn hợp đồng bình quân	Thời hạn hợp đồng còn lại bình quân	Số tiền bảo hiểm	Phí bảo hiểm gốc	Phí giữ lại
1	Nghiep vụ bảo hiểm sức khỏe, thân thể											
	- Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)											
2	Nghiep vụ bảo hiểm chi phí y tế											
	- Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)											
	TỔNG CỘNG											

Chúng tôi xin đảm bảo những thông tin trên là đúng sự thực.

....., ngày..... tháng..... năm.....
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký, ghi rõ họ tên đóng dấu)

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- hợp đồng thuộc sản phẩm đó;
1. Thời hạn hợp đồng bình quân được tính tương ứng với từng sản phẩm = Tổng thời hạn hợp đồng của các hợp đồng thuộc 1 sản phẩm/tổng số lượng
2. Tuổi người được bảo hiểm bình quân tính tại thời điểm giao kết hợp đồng;
3. Cột số lượng thành viên trong nhóm chỉ áp dụng cho sản phẩm bảo hiểm nhóm;
4. Số tại thời điểm báo cáo là số lũy kế.

Số lũy kế đến kỳ báo cáo												Cùng kỳ năm trước																							
Năm hợp đồng thứ 1						Năm hợp đồng thứ 2						Năm hợp đồng thứ 3 +						Năm hợp đồng thứ 1						Năm hợp đồng thứ 2						Năm hợp đồng thứ 3 +					
Số lượng hợp đồng		Số tiền bảo hiểm		A. Hoàn phí/B. Trả tiền bảo hiểm/C. Giá trị hoàn lại/D. Đảo hạn/E. Khoản khác		Số lượng hợp đồng		Số tiền bảo hiểm		A. Hoàn phí/B. Trả tiền bảo hiểm/C. Giá trị hoàn lại/D. Đảo hạn/E. Khoản khác		Số lượng hợp đồng		Số tiền bảo hiểm		A. Hoàn phí/B. Trả tiền bảo hiểm/C. Giá trị hoàn lại/D. Đảo hạn/E. Khoản khác		Số lượng hợp đồng		Số tiền bảo hiểm		A. Hoàn phí/B. Trả tiền bảo hiểm/C. Giá trị hoàn lại/D. Đảo hạn/E. Khoản khác		Số lượng hợp đồng		Số tiền bảo hiểm		A. Hoàn phí/B. Trả tiền bảo hiểm/C. Giá trị hoàn lại/D. Đảo hạn/E. Khoản khác							
- <i>Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)</i>																																			
2																																			
- <i>Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)</i>																																			
TỔNG MỤC B																																			
C																																			
Hợp đồng bảo hiểm chấm dứt, hủy bỏ trong kỳ																																			
1																																			
- <i>Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)</i>																																			
2																																			
- <i>Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)</i>																																			
TỔNG MỤC C																																			
D																																			
Hợp đồng bảo hiểm đáo hạn																																			
1																																			
- <i>Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)</i>																																			

Số lũy kế đến kỳ báo cáo										Cùng kỳ năm trước													
Năm hợp đồng thứ 1				Năm hợp đồng thứ 2				Năm hợp đồng thứ 3 +				Năm hợp đồng thứ 1				Năm hợp đồng thứ 2				Năm hợp đồng thứ 3 +			
Số lượng hợp đồng	Số tiền bảo hiểm	A. Hoàn phí/B. Trả tiền bảo hiểm/C. Giá trị hoàn lại/D. Đáo hạn/E. Khoản khác	Số lượng hợp đồng	Số tiền bảo hiểm	A. Hoàn phí/B. Trả tiền bảo hiểm/C. Giá trị hoàn lại/D. Đáo hạn/E. Khoản khác	Số lượng hợp đồng	Số tiền bảo hiểm	A. Hoàn phí/B. Trả tiền bảo hiểm/C. Giá trị hoàn lại/D. Đáo hạn/E. Khoản khác	Số lượng hợp đồng	Số tiền bảo hiểm	A. Hoàn phí/B. Trả tiền bảo hiểm/C. Giá trị hoàn lại/D. Đáo hạn/E. Khoản khác	Số lượng hợp đồng	Số tiền bảo hiểm	A. Hoàn phí/B. Trả tiền bảo hiểm/C. Giá trị hoàn lại/D. Đáo hạn/E. Khoản khác	Số lượng hợp đồng	Số tiền bảo hiểm	A. Hoàn phí/B. Trả tiền bảo hiểm/C. Giá trị hoàn lại/D. Đáo hạn/E. Khoản khác	Số lượng hợp đồng	Số tiền bảo hiểm	A. Hoàn phí/B. Trả tiền bảo hiểm/C. Giá trị hoàn lại/D. Đáo hạn/E. Khoản khác			
2	Nghiep vụ bảo hiểm chi phí y tế																			A. Hoàn phí/B. Trả tiền bảo hiểm/C. Giá trị hoàn lại/D. Đáo hạn/E. Khoản khác			
	- Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)																						
	TỔNG MỤC D																						
E	Nguyên nhân khác																						
1	Nghiep vụ bảo hiểm sức khỏe, thân thể																						
	- Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)																						
2	Nghiep vụ bảo hiểm chi phí y tế																						
	- Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)																						
	TỔNG MỤC E																						

Ghi chú: Số tại thời điểm báo cáo là số lũy kế.
Chúng tôi xin đảm bảo những thông tin trên là đúng sự thực.

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký và ghi rõ họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm.....
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu số 4A-SK
(Ban hành kèm theo Thông tư
số 67/2023/TT-BTC ngày 02/11/2023
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BÁO CÁO

Trích lập dự phòng toán học bảo hiểm sức khỏe

- Tên doanh nghiệp bảo hiểm:
- Báo cáo quý (năm):..... từ..... đến

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Dự phòng toán học đã trích lập đầu kỳ	Dự phòng toán học trích lập tăng trong kỳ		Dự phòng toán học trích lập giảm trong kỳ		Dự phòng toán học trích lập trong kỳ		Dự phòng toán học phải trích lập cuối kỳ
		HD khai thác mới	HD tái tục	HD khai thác mới	HD tái tục	HD khai thác mới	HD tái tục	
	(1)	(2)		(3)		(4)=(2)-(3)		(5)
1. Bảo hiểm sức khỏe, thân thể - Sản phẩm bảo hiểm cá nhân + Sản phẩm bảo hiểm thời hạn 5 năm trở xuống: . Sản phẩm A . Sản phẩm B..... + Sản phẩm bảo hiểm thời hạn trên 5 năm: . Sản phẩm C . Sản phẩm D.... - Sản phẩm bảo hiểm nhóm + Sản phẩm bảo hiểm thời hạn 5 năm trở xuống: . Sản phẩm E . Sản phẩm F.... + Sản phẩm bảo hiểm thời hạn trên 5 năm: 2..... Cộng:								

Chúng tôi xin đảm bảo những thông tin trên là đúng sự thực.

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký và ghi rõ họ tên)

CHUYÊN GIA TÍNH TOÁN
(Ký và ghi rõ họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm.....
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Ghi chú:

- Các mục 1, 2 được liệt kê theo nghiệp vụ bảo hiểm mà doanh nghiệp bảo hiểm được phép triển khai, chi tiết theo từng loại sản phẩm bảo hiểm cá nhân, bảo hiểm nhóm.
- “Dự phòng toán học đã trích lập đầu kỳ”: số dư đầu kỳ của dự phòng toán học đã trích lập kỳ trước.

Mẫu số 4B-SK
(Ban hành kèm theo Thông tư
số 67/2023/TT-BTC ngày 02/11/2023
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BÁO CÁO

Trích lập dự phòng phí chưa được hưởng bảo hiểm sức khỏe

- Tên doanh nghiệp bảo hiểm:
- Báo cáo quý (năm):..... từ..... đến

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Dự phòng phí chưa được hưởng đã trích lập đầu kỳ	Dự phòng phí chưa được hưởng phải trích lập cuối kỳ	Trích lập dự phòng phí chưa được hưởng trong kỳ
(1)	(2)	(3)	(4) = (3) - (2)
1. Bảo hiểm sức khỏe, thân thể - Sản phẩm bảo hiểm cá nhân - Sản phẩm bảo hiểm nhóm			
2. Bảo hiểm chi phí y tế - Sản phẩm bảo hiểm cá nhân - Sản phẩm bảo hiểm nhóm			
Cộng:			

Chúng tôi xin đảm bảo những thông tin trên là đúng sự thực.

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký và ghi rõ họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm.....
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Ghi chú:

- Các mục 1, 2, 3 được liệt kê theo nghiệp vụ bảo hiểm mà doanh nghiệp bảo hiểm được phép triển khai, chi tiết theo loại sản phẩm bảo hiểm cá nhân, bảo hiểm nhóm, theo thời hạn từ 5 năm trở xuống và trên 5 năm.

- “Dự phòng phí chưa được hưởng đã trích lập đầu kỳ”: số dư đầu kỳ của dự phòng phí chưa được hưởng đã trích lập kỳ trước.

Mẫu số 4C-SK
(Ban hành kèm theo Thông tư
số 67/2023/TT-BTC ngày 02/11/2023
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BÁO CÁO

Trích lập dự phòng bồi thường

- Tên doanh nghiệp bảo hiểm:
- Báo cáo quý (năm):..... từ..... đến

I/ Dự phòng bồi thường cho các yêu cầu đòi bồi thường chưa được giải quyết

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Dự phòng bồi thường đã trích lập đầu kỳ	Dự phòng bồi thường phải trích lập cuối kỳ	Trích lập dự phòng bồi thường trong kỳ
(1)	(2)	(3)	(4) = (3) - (2)
1. Bảo hiểm sức khỏe, thân thể - Sản phẩm bảo hiểm cá nhân - Sản phẩm bảo hiểm nhóm 2. Bảo hiểm chi phí y tế - Sản phẩm bảo hiểm cá nhân - Sản phẩm bảo hiểm nhóm			
Cộng			

II/ Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu đòi bồi thường

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Dự phòng bồi thường đã trích lập đầu kỳ	Dự phòng bồi thường phải trích lập cuối kỳ	Trích lập dự phòng bồi thường trong kỳ
(1)	(2)	(3)	(4) = (3) - (2)
1. Bảo hiểm sức khỏe, thân thể - Sản phẩm bảo hiểm cá nhân - Sản phẩm bảo hiểm nhóm 2. Bảo hiểm chi phí y tế - Sản phẩm bảo hiểm cá nhân - Sản phẩm bảo hiểm nhóm			
Cộng			

Chúng tôi xin đảm bảo những thông tin trên là đúng sự thực.

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký và ghi rõ họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm.....
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Ghi chú:

- Các mục 1, 2, 3 được liệt kê theo nghiệp vụ bảo hiểm mà doanh nghiệp bảo hiểm được phép triển khai, chi tiết theo loại từng sản phẩm bảo hiểm cá nhân, bảo hiểm nhóm, theo thời hạn từ 5 năm trở xuống và trên 5 năm.

Mẫu số 4D-SK
*(Ban hành kèm theo Thông tư
số 67/2023/TT-BTC ngày 02/11/2023
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

BÁO CÁO
Trích lập dự phòng bảo đảm cân đối

- Tên doanh nghiệp bảo hiểm:
- Báo cáo quý (năm):..... từ..... đến

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm trước	Năm nay	Tăng (giảm)
(1)	(2)	(3)	(4) = (3) - (2)
Lợi nhuận trước thuế			
Dự phòng bảo đảm cân đối			

Chúng tôi xin đảm bảo những thông tin trên là đúng sự thực.

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký và ghi rõ họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm.....
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu số 5-SK
(Ban hành kèm theo Thông tư
số 67/2023/TT-BTC ngày 02/11/2023
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BÁO CÁO
Hoạt động đầu tư

- Tên doanh nghiệp:.....
- Báo cáo quý (năm): từ..... đến.....

Đơn vị: Triệu đồng

A. BÁO CÁO NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ

Nguồn vốn đầu tư	Số đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ	Doanh thu đầu tư	Lợi nhuận đầu tư
I. Nguồn vốn sở hữu						
1. Nguồn vốn chủ sở hữu						
2. Phần vốn chủ sở hữu tương ứng với biên khả năng thanh toán tối thiểu						
3. Phần vốn chủ sở hữu tương ứng với vốn pháp định						
4. Phần vốn chủ sở hữu để đầu tư tài chính						
- Đầu tư trong nước từ nguồn vốn chủ sở hữu						
- Đầu tư ra nước ngoài từ nguồn vốn chủ sở hữu						
II. Tổng dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm:						
1. Tổng dự phòng nghiệp vụ						
- Dự phòng toán học						
- Dự phòng phí chưa được hưởng						
- Dự phòng bồi thường						
- Dự phòng lãi chia						
- Dự phòng đảm bảo lãi suất cam kết						
- Dự phòng bảo đảm cân đối						
2. Gửi tại các tổ chức tín dụng hoạt động tại Việt Nam để trả tiền bảo hiểm thường xuyên trong kỳ						
3. Nguồn vốn nhân rồi từ dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm						
III. Tổng số tiền đầu tư						

Ghi chú: Số liệu về doanh thu đầu tư và lợi nhuận hoạt động đầu tư để nghị là số lũy kế tính tới thời điểm lập báo cáo

[illegible]

	Kỳ báo cáo (Quý/Năm)						Cùng kỳ năm trước (Quý/Năm)					
	Giá trị tài sản đầu kỳ	Lãi suất bình quân (coupon)	Lợi nhuận đầu tư phát sinh trong kỳ	Dự phòng giảm giá đầu tư phát sinh trong kỳ	Thay đổi đầu tư khác phát sinh trong kỳ	Giá trị tài sản cuối kỳ	Dự phòng giảm giá đầu tư cuối kỳ	Giá trị tài sản đầu kỳ	Lãi suất bình quân (coupon)	Lợi nhuận đầu tư phát sinh trong kỳ	Dự phòng giảm giá đầu tư phát sinh trong kỳ	Thay đổi đầu tư khác phát sinh trong kỳ
Danh mục đầu tư												
8. Chứng chỉ quỹ												
9. Góp vốn vào các doanh nghiệp khác												
10. Kinh doanh bất động sản												
11. Tạm ứng từ giá trị tài khoản của khách hàng (bao gồm cả tạm ứng để đóng phí bảo hiểm)												
12. Khác												
13. Ủy thác đầu tư												

Ghi chú: Đối với hoạt động ủy thác đầu tư, đề nghị doanh nghiệp kê chi tiết danh mục đầu tư đối với giá trị tài sản ủy thác đầu tư theo thứ tự từ 1 - 12.
Chúng tôi xin đảm bảo những thông tin trên là đúng sự thực.

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký và ghi rõ họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm.....
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu số 6-SK
(Ban hành kèm theo Thông tư
số 67/2023/TT-BTC ngày 02/11/2023
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BÁO CÁO

Khả năng thanh toán

- Tên doanh nghiệp bảo hiểm:
- Báo cáo tháng, quý (năm)..... từ..... đến

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Giá trị hạch toán	Tỷ lệ loại trừ	Giá trị loại trừ tính biên khả năng thanh toán
1. Chênh lệch giữa giá trị tài sản và các khoản nợ phải trả			
2. Các tài sản được chấp nhận toàn bộ giá trị hạch toán			
a) Tiền mặt, tiền gửi tại các tổ chức tín dụng, tiền đang chuyển, chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu chính phủ, tín phiếu kho bạc, trái phiếu kho bạc, công trái xây dựng tổ quốc, trái phiếu chính quyền địa phương và trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh không hạn chế		0%	
b) Tài sản tái bảo hiểm (trừ tài sản tái bảo hiểm tương ứng với dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm của các hợp đồng nhượng tái bảo hiểm không tuân thủ quy định của pháp luật về nhượng tái bảo hiểm)		0%	
3. Các tài sản bị loại trừ một phần giá trị hạch toán			
a) Các tài sản đầu tư:			
+ Trái phiếu doanh nghiệp có đảm bảo		1%	
+ Trái phiếu doanh nghiệp không có bảo đảm;		3%	
+ Cổ phiếu được niêm yết, chứng chỉ quỹ;		15%	
+ Cổ phiếu không được niêm yết;		20%	
+ Đầu tư vào bất động sản do chính doanh nghiệp sử dụng;		8%	
+ Đầu tư vào bất động sản cho thuê;		15%	
+ Vốn góp vào các doanh nghiệp khác (trừ vốn góp để thành lập doanh nghiệp bảo hiểm từ nguồn vốn chủ sở hữu)		20%	
b) Các khoản phải thu:			
+ Phải thu phí bảo hiểm gốc quá hạn từ chín mươi (90) ngày đến dưới 1 năm;		30%	
+ Phải thu phí bảo hiểm gốc quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm sau khi trừ đi các khoản trích lập dự phòng nợ khó đòi tương ứng theo quy định của pháp luật;		50%	
+ Phải thu liên quan đến hoạt động nhận, nhượng tái bảo hiểm (sau khi bù trừ các khoản phải thu, phải trả của cùng một tổ chức nhượng, nhận tái bảo hiểm trong cùng kỳ đối chiếu) quá hạn từ 90 ngày đến dưới 01 năm: loại trừ 30%. Trường hợp kết quả bù trừ giữa các khoản phải thu và các khoản phải trả âm (-): loại trừ 0%;		30%	
+ Phải thu liên quan đến hoạt động nhận, nhượng tái bảo hiểm (sau khi bù trừ các khoản phải thu, phải trả của cùng một tổ chức nhượng, nhận tái bảo hiểm trong cùng		50%	

Chỉ tiêu	Giá trị hạch toán	Tỷ lệ loại trừ	Giá trị loại trừ tính biên khả năng thanh toán
kỳ đối chiếu) quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm: loại trừ 50%. Trường hợp kết quả bù trừ giữa các khoản phải thu và các khoản phải trả âm (-): loại trừ 0%.			
c) Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình là phần mềm máy tính, quyền sử dụng đất và hàng tồn kho.		25%	
d) Tài sản khác.		15%	
4. Các tài sản bị loại trừ toàn bộ giá trị hạch toán:			
a) Các khoản vốn góp để thành lập doanh nghiệp bảo hiểm khác khác từ nguồn vốn chủ sở hữu;		100%	
b) Các khoản nợ không có khả năng thu hồi theo quy định của pháp luật;		100%	
c) Tài sản cố định vô hình trừ phần mềm máy tính, quyền sử dụng đất;		100%	
d) Chi phí trả trước, các khoản tạm ứng (trừ tạm ứng từ giá trị hoàn lại), trang thiết bị và đồ dùng văn phòng, các khoản phải thu nội bộ;		100%	
đ) Phải thu phí bảo hiểm gốc quá hạn trên 02 năm;		100%	
e) Phải thu liên quan đến hoạt động nhận, nhượng tái bảo hiểm (sau khi bù trừ các khoản phải thu, phải trả của cùng một tổ chức nhượng, nhận tái bảo hiểm trong cùng kỳ đối chiếu) quá hạn từ 02 năm trở lên;		100%	
g) Các khoản đầu tư trở lại cho cổ động (thành viên) góp vốn hoặc người có liên quan theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, trừ tiền gửi tại các tổ chức tín dụng;		100%	
h) Các khoản đầu tư gián tiếp nước ngoài chưa thu hồi được trong vòng 01 năm kể từ khi quyết định thu hồi giấy chứng nhận đăng ký đầu tư gián tiếp ra nước ngoài có hiệu lực;		100%	
i) Các khoản đầu tư vào các tài sản vượt quá hạn mức quy định của pháp luật;		100%	
k) Tài sản tái bảo hiểm tương ứng với dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm của các hợp đồng nhượng tái bảo hiểm không tuân thủ quy định của pháp luật về nhượng tái bảo hiểm;		100%	
5. Biên khả năng thanh toán của doanh nghiệp			
6. Biên khả năng thanh toán tối thiểu			
- Đối với các hợp đồng bảo hiểm có thời hạn 5 năm trở xuống			
- Đối với các hợp đồng bảo hiểm có thời hạn trên 5 năm			
7. So sánh 5 và 6:	- Theo số tuyệt đối - Theo tỷ lệ %		

Chúng tôi xin đảm bảo những thông tin trên là đúng sự thực.

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký và ghi rõ họ tên)

CHUYÊN GIA TÍNH TOÁN
(Ký và ghi rõ họ tên)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu số 7-SK
(Ban hành kèm theo Thông tư
số 67/2023/TT-BTC ngày 02/11/2023
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

**BÁO CÁO
ASEAN**

- Tên doanh nghiệp bảo hiểm:
- Báo cáo năm..... từ..... đến

I. BÁO CÁO NGHIỆP VỤ BẢO HIỂM

Đơn vị: nghìn USD

Tiêu chí	Số lượng hợp đồng	Số lượng chứng nhận bảo hiểm	Số tiền bảo hiểm
A. HỢP ĐỒNG KHAI THÁC MỚI			
a) Bảo hiểm cá nhân			
i. Bảo hiểm sức khỏe, thân thể			
ii. Bảo hiểm chi phí y tế			
b) Bảo hiểm nhóm			
TỔNG SỐ			
B. HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM CÓ HIỆU LỰC			
a) Bảo hiểm cá nhân			
i. Bảo hiểm sức khỏe, thân thể			
ii. Bảo hiểm chi phí y tế			
b) Bảo hiểm nhóm			
TỔNG SỐ			

II. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị: nghìn USD

TÀI SẢN	Số tiền	CÔNG NỢ VÀ NGUỒN VỐN	Số tiền
Trái phiếu chính phủ		Vốn và các quỹ	
Tài sản cố định		Vốn điều lệ đã góp	
Bất động sản		Các quỹ	
Đầu tư vào bất động sản		Dự phòng đánh giá lại tài sản	
Tài sản cố định khác		Thặng dư quỹ chủ hợp đồng chưa chia	
Cho vay thế chấp		Dự phòng nghiệp vụ	
Chứng khoán doanh nghiệp có lãi suất cố định		Dự phòng toán học	
Cổ phiếu và các chứng khoán khác		Dự phòng phí	
Cho vay theo hợp đồng bảo hiểm		Dự phòng bồi thường	
Các khoản cho vay khác		Dự phòng khác	
Tiền		Thấu chi ngân hàng	
Tiền gửi ngân hàng		Bồi thường phải trả	
Tiền mặt và tài khoản thanh toán		Nợ thuế	
Các khoản đầu tư khác		Chi phí bảo hiểm dồn tích	
Thuế được hoàn trả		Đặt cọc phí bảo hiểm	
Phải thu phí bảo hiểm		Phải trả DNBH/doanh nghiệp tái bảo hiểm	
Phải thu từ DNBH/doanh nghiệp tái bảo hiểm		Công nợ khác	
Các tài sản khác		Tổng công nợ và nguồn vốn chủ sở hữu	
Tổng tài sản			

III. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị: nghìn USD

Mục	Chỉ tiêu	Số tiền
1	Thu nhập phí bảo hiểm ròng	
2	Thu nhập đầu tư ròng	
3	Thu nhập khác	
4	Tổng (1+2+3)	
5	Quyền lợi bảo hiểm phát sinh a. Đáo hạn b. Tử vong c. Trả giá trị hoàn lại d. Trả tiền định kỳ đ. Khác	
6	Tăng (giảm) dự phòng nghiệp vụ	
7	Tổng (5+6)	
8	Hoa hồng	
9	Thuế, phí và lệ phí	
10	Chi phí chung cho hoạt động kinh doanh bảo hiểm	
11	Chi phí khác	
12	Tổng (7+ 8+9+10+11)	
13	Thu nhập ròng từ hoạt động kinh doanh chưa tính đến các khoản lãi và lỗ từ vốn, thuế thu nhập doanh nghiệp, cổ tức trả cổ đông và các khoản phân bổ khác (4-12)	
14	Lãi và lỗ từ vốn đã được thực hiện	
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	
16	Cổ tức trả cho cổ đông	
17	Các khoản phân bổ khác	
18	Tổng (15+16+17)	
19	Thu nhập ròng đã tính đến các khoản lãi và lỗ từ vốn, thuế thu nhập doanh nghiệp, cổ tức trả cổ đông và các khoản phân bổ khác (13+14-18)	

Chúng tôi xin đảm bảo những thông tin trên là đúng sự thực.

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký và ghi rõ họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm.....
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu số 8-SK
(Ban hành kèm theo Thông tư số
67/2023/TT-BTC ngày 02/11/2023
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BÁO CÁO
Theo dõi riêng doanh thu, chi phí từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm theo từng nghiệp vụ bảo hiểm

- Tên doanh nghiệp bảo hiểm:.....
- Báo cáo quý:..... từ..... đến.....
- I. Trình bày chính sách ghi nhận**
- 1. Nguyên tắc phân bổ doanh thu hoạt động kinh doanh bảo hiểm:**
 - Loại doanh thu hoạt động kinh doanh bảo hiểm:.....
 - Tiêu thức phân bổ doanh thu hoạt động kinh doanh bảo hiểm:.....
- 2. Nguyên tắc phân bổ chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm:**
 - Loại chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm:.....
 - Tiêu thức phân bổ chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm:.....

II. Kết quả hoạt động kinh doanh nghiệp vụ bảo hiểm

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Bảo hiểm sức khỏe, thân thể	Bảo hiểm chi phí y tế	Tổng cộng
I. Doanh thu phí bảo hiểm (I)=(3)+(4)+(5) 1. Doanh thu phí bảo hiểm gốc và nhận tái - Phí bảo hiểm gốc - Các khoản giảm trừ phí bảo hiểm gốc (giảm phí, hoàn phí bảo hiểm gốc) - Phí nhận tái bảo hiểm - Các khoản giảm trừ phí nhận tái bảo hiểm (giảm phí, hoàn phí nhận tái bảo hiểm) - Tăng (giảm) dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm 2. Phí nhượng tái bảo hiểm - Tổng phí nhượng tái bảo hiểm - Tăng (giảm) dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm 3. Doanh thu phí bảo hiểm thuần (3)=(1)-(2)			

Chỉ tiêu	Bảo hiểm sức khỏe, thân thể	Bảo hiểm chi phí y tế	Tổng cộng
4. Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm - Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm - Giảm trừ hoa hồng (Hoàn hoa hồng, giảm hoa hồng) 5. Thu khác hoạt động bảo hiểm			
II. Chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm (II)=(5)+(6)+(7) 1. Chi bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái - Tổng chi bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái - Các khoản thu giảm chi (Thu đối người thứ ba bồi hoàn, thu hàng đã xử lý bồi thường 100%) 2. Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm 3. Tăng (giảm) dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm 4. Tăng (giảm) dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm 5. Tổng chi bồi thường bảo hiểm (5)=(1)+(2)-(3)+(4)-(5) 6. Chi khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm - Chi hoa hồng bảo hiểm - Chi đánh giá rủi ro đối tượng được bảo hiểm - Chi quản lý đại lý bảo hiểm - Chi đề phòng, hạn chế tổn thất - Các khoản trích lập bắt buộc theo quy định (chi lập quỹ bảo vệ người được bảo hiểm,...) - Chi khác 7. Chi quản lý doanh nghiệp			
III. Lợi nhuận thuần hoạt động kinh doanh nghiệp vụ bảo hiểm (III)=(I)-(II)			

Chúng tôi xin đảm bảo những thông tin trên là đúng sự thực.

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký và ghi rõ họ tên)

CHUYÊN GIA TÍNH TOÁN
(Ký và ghi rõ họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký và ghi rõ họ tên)

..... Ngày tháng năm
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu số 9-SK
(Ban hành kèm theo Thông tư
số 67/2023/TT-BTC ngày 02/11/2023
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BÁO CÁO
Danh mục sản phẩm của doanh nghiệp bảo hiểm sức khỏe

- Tên doanh nghiệp bảo hiểm sức khỏe:.....
- Tháng báo cáo:.....

STT	Tên nghiệp vụ	Tên sản phẩm được Bộ Tài chính phê chuẩn	Tên thương mại (nếu có)	Số công văn phê chuẩn của BTC, ngày phê chuẩn	Công văn phê chuẩn sửa đổi, bổ sung (nếu có)	Ngày triển khai	Ngày dừng triển khai
Sản phẩm bảo hiểm chính							
Sản phẩm bổ trợ (nếu có)							

Chúng tôi xin đảm bảo những thông tin trên là đúng sự thực

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký và ghi rõ tên)

....., ngày.. tháng.. năm...
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu số 10-SK(Ban hành kèm theo Thông tư
số 67/2023/TT-BTC ngày 02/11/2023
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BÁO CÁO

Của chuyên gia tính toán

- Tên doanh nghiệp bảo hiểm:.....

- Thời kỳ báo cáo: Từ 01/01/năm... đến 31/12/năm...

I. BÁO CÁO VỀ SẢN PHẨM BẢO HIỂM

1. Về cơ cấu sản phẩm:

1.1. Báo cáo về sản phẩm:

Tên sản phẩm	Tình trạng (*)	Tỷ trọng theo doanh thu (%)	Tỷ trọng theo số lượng hợp đồng khai thác mới (%)
1. Bảo hiểm sức khỏe, thân thể - Sản phẩm bảo hiểm cá nhân + Sản phẩm bảo hiểm thời hạn 5 năm trở xuống: . Sản phẩm A . Sản phẩm B.... + Sản phẩm bảo hiểm thời hạn trên 5 năm: . Sản phẩm C . Sản phẩm D.... - Sản phẩm bảo hiểm nhóm + Sản phẩm bảo hiểm thời hạn 5 năm trở xuống: . Sản phẩm E . Sản phẩm F.... + Sản phẩm bảo hiểm thời hạn trên 5 năm: 2....			

(*) : Tình trạng là một trong 3 tình trạng sau:

- Ngày triển khai trong kỳ
- Mới triển khai trong kỳ
- Đang triển khai: đối với các sản phẩm đã bắt đầu triển khai từ những kỳ trước và vẫn tiếp tục được triển khai.

1.2. Nhận xét, đánh giá của Chuyên gia tính toán về sự thay đổi cơ cấu sản phẩm của doanh nghiệp trong kỳ

2. Đánh giá các giả định tính phí và tính dự phòng:

Giả định tính phí

Tên sản phẩm	Giả định tính phí đang áp dụng					Thực tế tại doanh nghiệp					Chênh lệch giữa thực tế và giả định					Ghi chú
	Lãi suất (nếu có)	Bảng tỷ lệ tử vong	Bảng tỷ lệ thương tật	Bảng tỷ lệ nằm viện	(...)	Lãi suất (nếu có)	Bảng tỷ lệ tử vong	Bảng tỷ lệ thương tật	Bảng tỷ lệ nằm viện	(...)	Lãi suất (nếu có)	Bảng tỷ lệ tử vong	Bảng tỷ lệ thương tật	Bảng tỷ lệ nằm viện	(...)	
Sản phẩm A																
.....																

Giả định tính dự phòng

Tên sản phẩm	Các thay đổi đã được phê chuẩn trong năm (**)					Cơ sở tính dự phòng hiện tại					Ghi chú (***)
	Lãi suất (nếu có)	Bảng tỷ lệ tử vong	Bảng tỷ lệ thương tật	Bảng tỷ lệ nằm viện	(...)	Lãi suất (nếu có)	Bảng tỷ lệ tử vong	Bảng tỷ lệ thương tật	Bảng tỷ lệ nằm viện	(...)	
Sản phẩm A											
.....											

(*): các giả định khác

(**): Các thay đổi trong giả định tính dự phòng đã được Bộ Tài chính phê chuẩn trong năm và sẽ được áp dụng trong năm kế tiếp.

(***) Phần ghi chú để trình bày cơ sở của các thay đổi này (ví dụ: trên cơ sở các thống kê từ tỷ lệ thực tế của công ty, các nghiên cứu, thống kê được công bố, các tỷ lệ cung cấp của công ty tái bảo hiểm...).

Nhận xét, đánh giá của chuyên gia tính toán về tính hợp lý của các giả định mới áp dụng.

3. Doanh thu phí và tỷ lệ trả tiền bảo hiểm

Tên sản phẩm	Tổng doanh thu phí trong kỳ (A)	Tổng số tiền bồi thường và trả tiền bảo hiểm trong kỳ (B)	Tỷ lệ B/A (%)
Sản phẩm A			
.....			

II. BÁO CÁO VỀ BIÊN KHẢ NĂNG THANH TOÁN

- Biên khả năng thanh toán của doanh nghiệp đầu kỳ (C):
- Biên khả năng thanh toán tối thiểu của doanh nghiệp đầu kỳ (D):
- So sánh C và D (theo số tuyệt đối và tỷ lệ C/D):
- Biên khả năng thanh toán của doanh nghiệp cuối kỳ (E):
- Biên khả năng thanh toán tối thiểu của doanh nghiệp cuối kỳ (F):
- So sánh E/F:
- Nhận xét của Chuyên gia tính toán về khả năng thanh toán của doanh nghiệp và sự thay đổi biên khả năng thanh toán của doanh nghiệp.

III. BÁO CÁO VỀ TÀI SẢN VÀ CHÍNH SÁCH ĐẦU TƯ

- Chính sách, quy trình, và kiểm soát của công ty liên quan đến hoạt động đầu tư của các quỹ.
- Phương thức định giá tài sản cho từng loại hình tài sản đầu tư.

Đối với các nội dung chính trên, Chuyên gia tính toán dự phòng cần nêu ra ý kiến của mình về sự tương thích của chính sách đầu tư hiện hành với bản chất hoạt động kinh doanh bảo hiểm trong từng quỹ. Nếu Chuyên gia tính toán nhận thấy chính sách hiện hành không thích hợp, Chuyên gia tính toán cần nêu ra đề xuất để khắc phục.

Tôi xin đảm bảo những thông tin trên là đúng sự thực.

..., ngày... tháng... năm...
CHUYÊN GIA TÍNH TOÁN
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Phụ lục X

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 67/2023/TT-BTC
ngày 02 tháng 11 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

- Mẫu số 1 - MGBH: Báo cáo hoạt động môi giới bảo hiểm tháng, quý, năm
- Mẫu số 2 - MGBH: Báo cáo hoạt động của doanh nghiệp môi giới bảo hiểm quý, năm
- Mẫu số 3 - MGBH: Báo cáo tham gia hoạt động cung cấp dịch vụ bảo hiểm qua biên giới quý, năm
- Mẫu số 4 - MGBH: Báo cáo hoạt động cung cấp dịch vụ bảo hiểm trên môi trường mạng năm

[illegible]

Nghị quyết bảo hiểm	Hoạt động môi giới bảo hiểm gốc											Hoạt động môi giới tái bảo hiểm					
	Số lượng khách hàng		Số tiền bảo hiểm (Triệu đồng)		Lũy kế	Phí bảo hiểm thu xếp (Triệu đồng)		Lũy kế	Hoa hồng môi giới bảo hiểm (Triệu đồng)		Số lượng khách hàng	Số tiền bảo hiểm (Triệu đồng)	Phí bảo hiểm thu xếp (Triệu đồng)	Hoa hồng môi giới tái bảo hiểm (Triệu đồng)			
	Việt Nam	Nước ngoài	Trong kỳ			Việt Nam	Nước ngoài		Trong kỳ						Việt Nam	Nước ngoài	Lũy kế
			Việt Nam	Nước ngoài					Việt Nam	Nước ngoài							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16		
B. Bảo hiểm nhóm (chi tiết theo từng nghiệp vụ)																	
C. Bảo hiểm bán kèm																	
Tổng cộng (I+II+III)																	

Chúng tôi xin đảm bảo những thông tin trên đây là đúng sự thật.

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký và ghi rõ họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm.....
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Ghi chú:

(2), (4), (7), (10): Các hợp đồng môi giới bảo hiểm gốc thu xếp trên lãnh thổ Việt Nam.

(3), (5), (8), (11): Các hợp đồng môi giới bảo hiểm gốc thu xếp tại nước ngoài phù hợp với quy định của pháp luật.

Mẫu số 2-MGBH
(Ban hành kèm theo Thông tư
số 67/2023/TT-BTC ngày 02/11/2023
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BÁO CÁO
Hoạt động của doanh nghiệp môi giới bảo hiểm

- Tên doanh nghiệp:.....
- Kỳ báo cáo:..... từ..... đến.....

Nội dung hoạt động môi giới bảo hiểm, phụ trợ bảo hiểm và hoạt động khác	Đối tượng khách hàng					
	Khách hàng ở trong nước			Khách hàng ở nước ngoài		
	Số lượng khách hàng	Số lượng hợp đồng	Doanh thu (Triệu đồng)	Số lượng khách hàng	Số lượng hợp đồng	Doanh thu (Triệu đồng)
1	2	3	4	5	6	7
1. Hoạt động môi giới bảo hiểm, trong đó:						
a. Hoạt động môi giới bảo hiểm gốc						
b. Hoạt động môi giới tái bảo hiểm						
2. Cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm, trong đó:						
a. Tư vấn						
b. Đánh giá rủi ro bảo hiểm						
c. Tính toán bảo hiểm						
d. Giám định tổn thất bảo hiểm						
đ. Hỗ trợ giải quyết bồi thường bảo hiểm						
3. Hoạt động khác liên quan đến hợp đồng bảo hiểm theo yêu cầu của bên mua bảo hiểm						

Chúng tôi xin đảm bảo những thông tin trên đây là đúng sự thật.

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký và ghi rõ họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm.....
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu số 3-MGBH
(Ban hành kèm theo Thông tư
số 67/2023/TT-BTC ngày 02/11/2023
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BÁO CÁO
Tham gia hoạt động cung cấp dịch vụ bảo hiểm qua biên giới

- Tên doanh nghiệp:.....
- Kỳ báo cáo:..... từ..... đến.....

Tên tổ chức nước ngoài cung cấp dịch vụ bảo hiểm qua biên giới	Loại nghiệp vụ bảo hiểm	Số lượng hợp đồng bảo hiểm cung cấp qua môi giới	Phí bảo hiểm (triệu đồng)
Tên tổ chức 1	Chi tiết theo từng nghiệp vụ bảo hiểm		
Tên tổ chức 2	Chi tiết theo từng nghiệp vụ bảo hiểm		
....			
	Tổng cộng		

Chúng tôi xin đảm bảo những thông tin trên là đúng sự thực.

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký và ghi rõ họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm.....
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu số 4-MGBH
(Ban hành kèm theo Thông tư
số 67/2023/TT-BTC ngày 02/11/2023
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BÁO CÁO

Hoạt động cung cấp dịch vụ trên môi trường mạng

- Tên doanh nghiệp:.....
- Kỳ báo cáo:..... Từ..... đến.....

TT	Hình thức cung cấp	Số phí bảo hiểm, tái bảo hiểm đã thu xếp (triệu đồng)		Hoa hồng môi giới bảo hiểm, tái bảo hiểm (triệu đồng)	
		Phí bảo hiểm gốc	Phí tái bảo hiểm	Hoa hồng môi giới bảo hiểm gốc	Hoa hồng môi giới tái bảo hiểm
1.	Cổng/Trang thông tin điện tử hoặc website do DNMGBH thiết lập				
2.	Website cung cấp dịch vụ thương mại điện tử do thương nhân, tổ chức thiết lập. Trong đó:				
	a. Qua sàn giao dịch thương mại điện tử				
	b. Các loại website khác do Bộ Công Thương quy định				
3.	Qua ứng dụng cài đặt trên thiết bị điện tử có nối mạng				

Chúng tôi xin đảm bảo những thông tin trên là đúng sự thực.

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký và ghi rõ họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm.....
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Phụ lục XI

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 67/2023/TT-BTC
ngày 02 tháng 11 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

- Mẫu số 01-ĐLBH: Báo cáo danh sách đại lý bảo hiểm vi phạm quy định pháp luật
- Mẫu số 02-ĐLBH: Báo cáo tình hình triển khai hoạt động đại lý bảo hiểm của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cho doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ.
- Mẫu số 03-ĐLBH: Báo cáo về hoạt động đào tạo đại lý bảo hiểm
- Mẫu số 04-ĐLBH: Báo cáo danh sách đại lý bảo hiểm

Mẫu số 01-ĐLBH
(Ban hành kèm theo Thông tư
số 67/2023/TT-BTC ngày 02/11/2023
của Bộ trưởng

BÁO CÁO
Danh sách đại lý bảo hiểm vi phạm quy định pháp luật

- Tên doanh nghiệp bảo hiểm/chi nhánh nước ngoài/tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô:.....
- Báo cáo quý/năm:.....

STT	Họ và tên đại lý bảo hiểm	Ngày tháng năm sinh	Số CMND/ thẻ căn cước công dân (đối với cá nhân)/Mã số thuế (đối với tổ chức)	Chứng chỉ đại lý bảo hiểm		Hợp đồng đại lý bảo hiểm		Ngày thôi việc	Vi phạm quy định
				Số	Ngày	Số	Ngày		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
A	ĐẠI LÝ CÁ NHÂN								
A1									
A2									
B	ĐẠI LÝ TỔ CHỨC								
B1	Tên tổ chức								
B1.1.	Cá nhân thuộc tổ chức								
B1.2.									
B2	Tên tổ chức								
B2.1.	Cá nhân thuộc tổ chức								
B2.2.									

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký và ghi rõ họ tên)

..., ngày... tháng... năm...
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu số 02-ĐLBH
(Ban hành kèm theo Thông tư
số 67/2023/TT-BTC ngày 02/11/2023
của Bộ trưởng

BÁO CÁO

**Tình hình triển khai hoạt động đại lý bảo hiểm của tổ chức tín dụng,
chi nhánh ngân hàng nước ngoài cho doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ**

Tên doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ:

Báo cáo quý/năm:

I. Báo cáo hoạt động đại lý bảo hiểm của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cho doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ

STT	Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài ký hợp đồng đại lý bảo hiểm	Sản phẩm bảo hiểm triển khai	Hợp đồng khai thác mới						Số lượng hợp đồng có hiệu lực				Số lượng hợp đồng hủy bỏ năm đầu lũy kế từ đầu năm
			Số lượng hợp đồng			Phí bảo hiểm (tr.đ)			Số lượng hợp đồng		Phí bảo hiểm (tr.đ)		
			Trong kỳ	Lũy kế	Cùng kỳ năm trước	Trong kỳ	Lũy kế	Cùng kỳ năm trước	Cuối kỳ	Cùng kỳ năm trước	Cuối kỳ	Cùng kỳ năm trước	
1													
2													
	Tổng số												

II. Báo cáo tình hình doanh thu, chi phí hoạt động đại lý bảo hiểm của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cho doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ

Đơn vị: triệu đồng

STT	Tên tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài ký hợp đồng đại lý bảo hiểm	Tổng doanh thu phí cuối kỳ	Hoa hồng thanh toán cho tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cuối kỳ	Các khoản thanh toán khác cho tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cuối kỳ
1				
.....				
Tổng				

Chúng tôi xin đảm bảo những thông tin trên là đúng sự thực.

.....Ngày..... tháng..... năm...
NGƯỜI LẬP BIỂU KẾ TOÁN TRƯỞNG NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký và ghi rõ họ tên) (Ký và ghi rõ họ tên) (Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 3-ĐLBH
(Ban hành kèm theo Thông tư
số 67/2023/TT-BTC ngày 02/11/2023
của Bộ trưởng)

BÁO CÁO
Về hoạt động đào tạo đại lý bảo hiểm

- Tên cơ sở đào tạo đại lý bảo hiểm:.....
- Kỳ báo cáo:..... Từ..... đến.....

Tên khóa đào tạo/Mã số (Khóa đào tạo bao gồm: đào tạo cấp chứng chỉ đại lý bảo hiểm, đào tạo về sản phẩm bảo hiểm và các khóa đào tạo, cập nhật kiến thức)	Thời gian (từ... đến...)	Địa điểm	Số lượng học viên tham gia đào tạo	Số học viên được cấp chứng chỉ đào tạo đại lý

Chúng tôi xin đảm bảo những thông tin trên là đúng sự thực.

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký và ghi rõ họ tên)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

STT	Họ và tên đại lý bảo hiểm	Ngày tháng năm sinh	Số CMTND/ Mã số thuế	Chứng chỉ đại lý bảo hiểm		Hợp đồng đại lý bảo hiểm		Ngày thôi việc/ <u>Ngày hết hạn hợp đồng</u>	Tình trạng		Ghi chú
				Số	Ngày	Số	Ngày		Tăng	Giảm	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
B1.2.											
B2	Tên tổ chức										
B2.1.	Cá nhân thuộc tổ chức										
B2.2											

Chúng tôi xin đảm bảo những thông tin trên là đúng sự thực.

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký và ghi rõ họ tên)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Hướng dẫn lập Báo cáo danh sách đại lý bảo hiểm

1. Báo cáo này được dùng để báo cáo tình hình đại lý của doanh nghiệp

2. Kết cấu báo cáo:

Báo cáo gồm các cột và các dòng:

- Các cột phản ánh thông tin của đại lý
- Các dòng được phản ánh tách biệt 2 phần: Phần A- Đại lý cá nhân, Phần B - Đại lý tổ chức: Trong phần đại lý tổ chức được chi tiết từng đại lý cá nhân thuộc tổ chức đó

3. Cách ghi

Cột 1: Ký hiệu để phân loại đại lý

- + Đại lý cá nhân: Ký hiệu A1, A2,... cho mỗi đại lý cá nhân
- + Đại lý tổ chức: Ký hiệu B1, B2... cho mỗi đại lý tổ chức
- + Cá nhân thuộc tổ chức: Ký hiệu B1.1., B1.2... tương ứng với cá nhân thuộc đại lý tổ chức B1....

Cột 2: Ghi họ và tên của đại lý cá nhân: đối với đại lý tổ chức thì ghi rõ tên của tổ chức đại lý và địa điểm của tổ chức đại lý, sau đó ghi rõ họ và tên của từng đại lý cá nhân thuộc tổ chức đó theo từng dòng.

Cột 3: Ghi ngày, tháng, năm sinh của từng đại lý cá nhân (theo định dạng DD/MM/YY)

Cột 4: Ghi số chứng minh thư nhân dân của đại lý cá nhân/mã số thuế của đại lý tổ chức

Cột 5: Ghi số chứng chỉ đào tạo đại lý bảo hiểm

Cột 6: Ghi rõ ngày được cấp chứng chỉ đào tạo đại lý bảo hiểm (theo định dạng DD/MM/YY)

Cột 7: Ghi số hợp đồng của đại lý đã ký với DNBH đến thời điểm báo cáo

Cột 8: Ghi ngày ký hợp đồng đại lý (theo định dạng DD/MM/YY)

Cột 9: Ghi ngày thôi việc/**ngày hết hạn hợp đồng** của đại lý (theo định dạng DD/MM/YY)

Cột 10, 11: ghi tình trạng của đại lý:

+ **Cột 10:** Phản ánh đại lý tăng trong kỳ báo cáo, cụ thể ghi (1a) đối với đại lý tuyển mới trong kỳ báo cáo, ghi (1b) đối với đại lý tái tục hợp đồng

+ **Cột 11:** Phản ánh đại lý giảm trong kỳ báo cáo, ghi (-1a) đối với đại lý thôi việc, ghi (-1b) đối với đại lý hết hạn hợp đồng trong kỳ báo cáo;

Cột 12: Ghi chú các nội dung cần thiết khác (nếu có)

Phụ lục XII

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 67/2023/TT-BTC
ngày 02 tháng 11 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày... tháng... năm...

BÁO CÁO**Hoạt động của Văn phòng đại diện nước ngoài tại Việt Nam**

Kính gửi: Bộ Tài chính

Căn cứ Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15 ngày 16/6/2022 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Chúng tôi là:

- Tên đầy đủ và tên viết tắt của doanh nghiệp bảo hiểm nước ngoài, doanh nghiệp tái bảo hiểm nước ngoài, tập đoàn tài chính, bảo hiểm nước ngoài, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm nước ngoài:

- Giấy phép đặt văn phòng đại diện số..... do Bộ Tài chính cấp ngày.... tháng.... năm...

Chúng tôi xin báo cáo với Bộ Tài chính các hoạt động trong [06 tháng hoặc năm...] như sau:

1. Về cơ cấu tổ chức Văn phòng đại diện, nhân sự, số người Việt Nam và người nước ngoài làm việc tại Văn phòng đại diện

2. Những hoạt động chính của Văn phòng đại diện thực hiện trong kỳ báo cáo bao gồm (chi tiết các hoạt động đã thực hiện tương ứng với nội dung quy định tại Giấy phép đặt Văn phòng đại diện):

- Chức năng văn phòng liên lạc;
- Nghiên cứu thị trường;
- Xúc tiến xây dựng các dự án đầu tư của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm nước ngoài;

- Thúc đẩy và theo dõi việc thực hiện các dự án do doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm nước ngoài tài trợ tại Việt Nam;
- Các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

3. Phương hướng hoạt động trong thời gian tới

Chúng tôi cam kết:

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự trung thực và chính xác của nội dung trong Báo cáo và các tài liệu kèm theo.
- Tuân thủ các thủ tục liên quan theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Hồ sơ kèm theo:

- Liệt kê rõ tài liệu kèm theo

TRƯỞNG VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Phụ lục XIII

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 67/2023/TT-BTC
ngày 02 tháng 11 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

... , ngày... tháng... năm...

THÔNG BÁO

**Thay đổi trưởng Văn phòng đại diện/Thay đổi người làm việc/thay đổi
địa điểm đặt văn phòng đại diện**

Kính gửi: Bộ Tài chính

Căn cứ Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15 ngày 16/6/2022 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Chúng tôi là:

- Tên đầy đủ và tên viết tắt của doanh nghiệp bảo hiểm nước ngoài, doanh nghiệp tái bảo hiểm nước ngoài, tập đoàn tài chính, bảo hiểm nước ngoài, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm nước ngoài:

- Giấy phép đặt văn phòng đại diện số..... do Bộ Tài chính cấp ngày.... tháng.... năm...

Chúng tôi xin thông báo với Bộ Tài chính đã thay nội dung dưới đây [chỉ ghi các nội dung thay đổi]:

1. Thay đổi Trưởng văn phòng đại diện như sau:

- Tên Trưởng đại diện cũ:

Quốc tịch:

Số hộ chiếu/CMND/thẻ căn cước công dân:

Điện thoại:

Email:

- Tên Trưởng đại diện mới:

Quốc tịch:

Số hộ chiếu/CMND/thẻ căn cước công dân:

Điện thoại:

Email:

- Lý do thay đổi:.....

2. Thay đổi địa điểm đặt trụ sở văn phòng đại diện như sau:

- Địa chỉ cũ:

- Địa chỉ mới:

- Số điện thoại:

- Số fax:

- Lý do thay đổi:.....

3. Thay đổi người làm việc tại văn phòng đại diện.

- Họ và tên lao động làm việc tại Văn phòng đại diện:

- Quốc tịch:

- Số hộ chiếu/CMND/thẻ căn cước công dân:

- Điện thoại:

- Email:

- Thời gian bắt đầu/chấm dứt làm việc tại Văn phòng đại diện:

Chúng tôi cam kết:

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự trung thực và chính xác của nội dung trong Đơn và các tài liệu kèm theo.

- Hoàn tất các thủ tục liên quan theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Hồ sơ kèm theo:

- Liệt kê rõ tài liệu kèm theo

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO THẨM QUYỀN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)